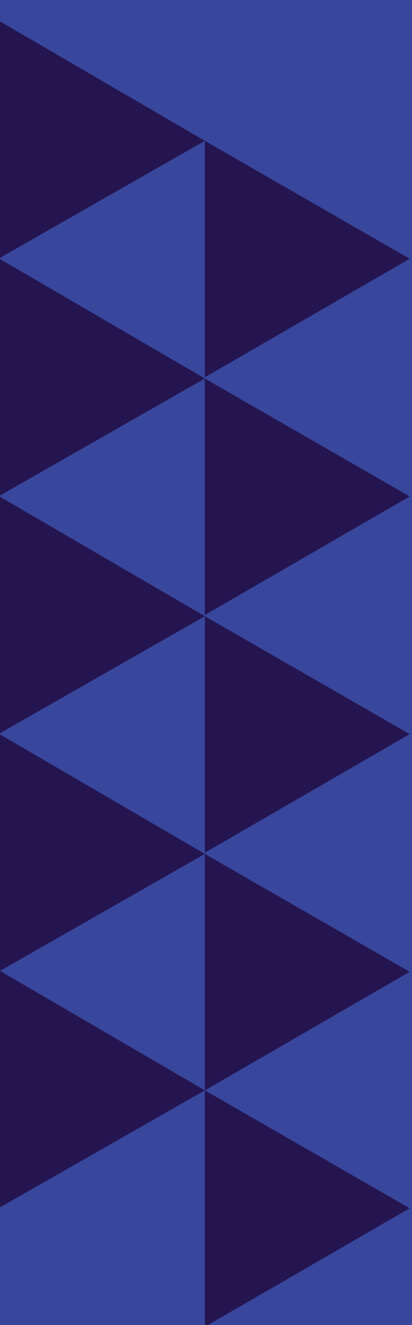




Tổ chức  
Lao động  
Quốc tế

## ► Nghiên cứu Tác động của Hoạt động Thanh tra Lao động tới việc tuân thủ pháp luật



- 
- ▶ **Nghiên cứu Tác động  
của Hoạt động  
Thanh tra Lao động  
tới việc tuân thủ pháp luật**

Bản quyền © Tổ chức Lao động Quốc tế 2022

Xuất bản lần đầu năm 2022

Các ấn phẩm của Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế có bản quyền theo Nghị định thư 2 của Công ước Bản quyền Quốc tế. Tuy nhiên, có thể sao chép những trích đoạn ngắn từ những ấn phẩm này mà không cần phải xin phép, với điều kiện là nêu rõ nguồn trích dẫn. Để được phép tái bản hoặc dịch các ấn phẩm, phải nộp đơn cho Bộ phận Ấn phẩm (Bản quyền và Cấp phép) của ILO, Văn phòng Lao động Quốc tế, CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ, hoặc gửi email tới: [rights@ilo.org](mailto:rights@ilo.org). Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế hoan nghênh những đơn đăng ký này.

Các thư viện, tổ chức và những người sử dụng khác đã đăng ký với các tổ chức cấp phép tái bản có thể in tài liệu theo giấy phép được cấp cho họ vì mục đích này. Ghé thăm trang [www.ifrro.org](http://www.ifrro.org) để biết các tổ chức cấp phép tái bản ở đất nước bạn.

---

***Nghiên cứu Tác động của Hoạt động Thanh tra Lao động tới việc tuân thủ pháp luật***

ISBN 9789220406199 (web PDF)

---

Tài liệu có phiên bản bằng tiếng Anh: Study of the Impact of Labour Inspection actions on compliance with labour legislation ISBN 978-92-2-036911-1 (web PDF)

Bản dịch tiếng Việt được thực hiện với sự hỗ trợ tài chính của Bộ Lao động Hoa Kỳ (USDOL) thông qua dự án của ILO “Xây dựng Khung khổ Quan hệ Lao động mới đảm bảo tôn trọng Tuyên bố của ILO về những Nguyên tắc và Quyền cơ bản trong Lao động”

Các quy định áp dụng đối với các ấn phẩm của ILO phù hợp với nguyên tắc của Liên Hợp Quốc, và cách trình bày tài liệu trong ấn phẩm không thể hiện quan điểm của ILO về tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ hoặc chính quyền hoặc vùng phân định biên giới nào

Các ý kiến đưa ra trong các bài báo, nghiên cứu, và các tài liệu khác có tên tác giả thuộc trách nhiệm của các tác giả, và việc xuất bản các tài liệu này không mang hàm ý rằng ILO ủng hộ những ý kiến/quan điểm được đưa ra trong các tài liệu đó.

Việc viện dẫn tên công ty, sản phẩm hay quy trình thương mại không đồng nghĩa với việc ILO chứng thực các công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại đó; và việc không viện dẫn hay nhắc đến trong ấn phẩm cũng không có nghĩa là ILO không ủng hộ một công ty, sản phẩm hay quy trình thương mại cụ thể nào.

Thông tin về các ấn phẩm và sản phẩm kỹ thuật số của ILO có ở trang: [www.ilo.org/publns](http://www.ilo.org/publns).

In tại Thụy Sĩ

Do Phòng Sản xuất, In ấn và Phân phối Tài liệu và Ấn phẩm (PRODOC) của ILO thực hiện.

Thiết kế đồ họa và đánh máy, bố cục và dàn trang, in ấn, xuất bản và phân phối điện tử.

PRODOC nỗ lực sử dụng giấy có nguồn gốc từ rừng được quản lý một cách bền vững với môi trường và có trách nhiệm với xã hội.

Mã số: CHD-PMSERV

## ► LỜI NÓI ĐẦU

---

Đáp ứng nhu cầu về một hệ thống thanh tra lao động hiệu quả và đáng tin cậy là ưu tiên hàng đầu của ILO kể từ khi thành lập. Sau hơn 100 năm tồn tại, chức năng công này tiếp tục đóng vai trò trung tâm trong việc thực hiện các khuôn khổ pháp lý quốc gia, thúc đẩy hiệu quả của quyền lao động và bảo vệ sự cạnh tranh công bằng giữa các công ty.

Nhiệm vụ của cơ quan thanh tra lao động đã phát triển ở hầu hết các quốc gia theo hướng bao trùm tất cả các chủ đề được quy định trong pháp luật lao động, bắt đầu từ điều kiện làm việc nói chung cho đến chính thức hóa hoặc an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, và trong nhiều trường hợp, là an sinh xã hội. Đây là một nhiệm vụ khó khăn, đặc biệt khi nghĩ đến sự phức tạp ngày càng tăng của thế giới việc làm và môi trường trong đó các cơ quan hành chính công phải cạnh tranh nhau về nguồn lực. Hơn bao giờ hết, các cơ quan thanh tra lao động cần phải thực hiện nhiệm vụ một cách hiệu quả và cung cấp bằng chứng về sự phù hợp của mình. Điều này không thể thực hiện được nếu không có cách tiếp cận tuân thủ dựa trên bằng chứng.

Dựa trên các chỉ số thống kê thanh tra lao động hài hòa được ILO công bố năm 2016 và kết quả tham vấn với một số cơ quan thanh tra lao động, nghiên cứu này cung cấp thông tin về các thực hành liên quan đến việc sử dụng các chỉ số đo lường hiệu quả, hiệu suất và tác động trong thanh tra lao động hiện nay, đồng thời gợi ý một số hành động mà cơ quan thanh tra có thể thực hiện để dần cải thiện việc thu thập và phân tích dữ liệu, từ đó, hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ của mình.

Chúng tôi mong rằng ấn phẩm này sẽ đóng góp cho việc lập kế hoạch và đánh giá các hoạt động thanh tra tốt hơn, cũng như tiếp tục khẳng định thanh tra lao động là yếu tố căn bản cho một tương lai việc làm lấy con người làm trung tâm.

Joaquim Pintado Nunes

Trưởng Ban

Ban Quản lý Lao động,  
Thanh tra Lao động và An toàn  
Sức khỏe Nghề nghiệp (LABADMIN/OSH)



## ► LỜI CẢM ƠN

---

Nghiên cứu về tác động của hoạt động thanh tra lao động đối với việc tuân thủ pháp luật được thực hiện bởi Ban Quản lý Lao động, Thanh tra Lao động và An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp (LABADMIN/OSH) thuộc Vụ Quản trị và Cơ chế ba bên (GOVERNANCE), dưới sự hướng dẫn về ý tưởng, kỹ thuật và giám sát của Ông Arsenio Fernández, Chuyên gia Quản lý lao động, Thanh tra lao động và An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp. Bà Tzvetomira Radoslavova, Cán bộ Pháp lý & Tuân thủ Luật Lao động đã hỗ trợ thực hiện khảo sát.

Chúng tôi cảm ơn chuyên gia tư vấn, Ông Manuel Velázquez, đã hỗ trợ xây dựng nội dung của nghiên cứu.

Bản tóm tắt được biên tập bởi Ông Simon Knight. Thiết kế đồ họa và bố cục của ấn phẩm do Charlotte Design thực hiện.

|                |                                           |                                                                                       |
|----------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| CHÂU PHI       | Cộng Hòa Nam Phi (ZA)                     | Sở Lao động                                                                           |
|                | Cộng hòa Tunisia (TN)                     | Tổng cục Thanh tra Lao động – Phòng Thanh tra về Sức khỏe và An toàn tại nơi làm việc |
| CHÂU Á         | Hàn Quốc (KR)                             | 근로감독관집무규정 – Phòng Quy chế thanh tra lao động                                          |
|                | Malaysia (MY)                             | Các Phòng Thanh tra Lao động khu vực <sup>1</sup>                                     |
|                | Philippines (PH)                          | Sở Lao động và Việc làm                                                               |
| CHÂU ÂU        | Vương quốc Đan Mạch (DK)                  | Cơ quan Môi trường Làm việc                                                           |
|                | Vương quốc Tây Ban Nha (ES)               | Cơ quan Thanh tra Quốc gia về Lao động và An sinh Xã hội (OIETSS)                     |
|                | Cộng hòa Pháp (FR)                        | Cục Lao động (DGT) thuộc Bộ Lao động                                                  |
|                | Cộng hòa Malta (MT)                       | Cơ quan An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp (OSHA)                                           |
|                | Cộng hòa Ba Lan (PL)                      | Cơ quan Thanh tra Lao động Quốc gia (PIP)                                             |
|                | Cộng hòa Bồ Đào Nha (PT)                  | Cơ quan quản lý về Điều kiện Làm việc (ACT)                                           |
|                | Vương quốc Thụy Điển (SW)                 | Cơ quan quản lý Môi trường Làm việc (AV)                                              |
|                | Vương quốc Anh (UK)                       | Cơ quan quản lý An toàn và Sức khỏe (HSE)                                             |
| CHÂU MỸ        | Cộng hòa Colombia (CO)                    | Bộ Lao động                                                                           |
|                | Cộng hòa Chilê (CL)                       | Tổng cục Lao động                                                                     |
|                | Cộng hòa Peru (PE)                        | Cơ quan Giám sát Quốc gia về Thanh tra Lao động (SUNAFIL)                             |
|                | Cộng hòa Đông Uruguay (UY)                | Tổng Thanh tra Lao động và An sinh Xã hội                                             |
| CHÂU ĐẠI DƯƠNG | Khối thịnh vượng chung của Australia (AU) | Cơ quan Thanh tra Việc làm Công bằng                                                  |
|                | New Zealand (NZ)                          | Cơ quan Thanh tra Việc làm và Lao động                                                |

1 An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp (ATSKNN) ở Malaysia được quản lý ở cấp liên bang và việc thanh tra ATSKNN được thực hiện trên toàn lãnh thổ bởi Cục An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp (DOSH). Do lịch sử và cấu trúc hiến pháp của Malaysia, việc thanh tra điều kiện làm việc chung được quản lý bởi ba Sở Lao động của bang Peninsular Malaysia (DOLPM) và các bang Sabah (DOLSAB) và Sarawak (DOLSAR). Kết quả khảo sát của Malaysia dựa trên phản hồi từ bốn tổ chức thanh tra riêng biệt này. Khảo sát không bao gồm các chỉ số về thanh tra an sinh xã hội ở Malaysia, được quản lý và thực thi bởi Cơ quan An sinh Xã hội (SOCISO).

## ► TỪ VIẾT TẮT

---

|         |                                                |
|---------|------------------------------------------------|
| ATSKNN  | An toàn, sức khỏe nghề nghiệp                  |
| DOSH    | Cục An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, Malaysia  |
| DOLPM   | Sở Lao động bang Peninsular Malaysia, Malaysia |
| DOLSAB  | Sở Lao động bang Sabah, Malaysia               |
| DOLSAR) | Sở Lao động Sarawak, Malaysia                  |
| NLĐ     | Người lao động                                 |
| NSDLĐ   | Người sử dụng lao động                         |



## ► MỤC LỤC

---

|                                                                                 |           |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| LỜI NÓI ĐẦU                                                                     | iii       |
| LỜI CẢM ƠN                                                                      | v         |
| TỪ VIẾT TẮT                                                                     | vii       |
| TÓM TẮT                                                                         | xi        |
| PHƯƠNG PHÁP LUẬN                                                                | xiii      |
| <br>                                                                            |           |
| <b>1. GIỚI THIỆU</b>                                                            | <b>1</b>  |
| <b>2. CÁC CHỈ SỐ VỀ HÀNH ĐỘNG THANH TRA</b>                                     | <b>4</b>  |
| 2.1. Các chỉ số hành động thanh tra được sử dụng rộng rãi nhất                  | 4         |
| a) Phân loại theo hoạt động kinh tế                                             | 5         |
| b) Phân loại theo vùng                                                          | 6         |
| c) Phân loại theo vấn đề                                                        | 6         |
| d) Phân loại theo quy mô đơn vị kinh tế                                         | 6         |
| 2.2. Các chỉ số liên quan đến nguyên nhân của hành động thanh tra               | 8         |
| 2.3. Các chỉ số hành động dành riêng cho cuộc thanh tra tại nơi làm việc        | 9         |
| 2.4. Các chỉ số hoạt động khác                                                  | 11        |
| <b>3. CÁC CHỈ SỐ HIỆU QUẢ</b>                                                   | <b>13</b> |
| 3.1. Các chỉ số liên quan đến quyết định của thanh tra viên                     | 13        |
| a) Các chỉ số cho những quyết định không khởi kiện vi phạm                      | 14        |
| b) Các chỉ số cho những quyết định khởi kiện vi phạm                            | 15        |
| c) Các chỉ số cho các quyết định liên quan đến khiếu nại và hành động khắc phục | 16        |
| d) Các chỉ số cho các quyết định không liên quan đến hành vi vi phạm            | 17        |
| 3.2. Các chỉ số về khắc phục sai phạm đạt được nhờ các hành động thanh tra      | 18        |
| 3.3. Các chỉ số dựa trên tỉ lệ thâm nhập                                        | 19        |
| <b>4. CÁC CHỈ SỐ HIỆU SUẤT</b>                                                  | <b>22</b> |
| 4.1. Các chỉ số hiệu suất chung                                                 | 22        |
| 4.2. Các chỉ số hiệu suất liên quan đến cuộc thanh tra                          | 23        |
| a) Về thời gian phản hồi của các cuộc thanh tra                                 | 25        |
| b) Về thời gian thực hiện hành động thanh tra                                   | 25        |
| c) Về nhân lực cho hoạt động thanh tra                                          | 27        |
| 4.3. Chỉ số hiệu suất cho các chiến dịch thanh tra có mục tiêu                  | 27        |
| 4.4. Các chỉ số hiệu suất khác                                                  | 29        |

## ► MỤC LỤC

---

|                                                                                                    |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>5. CÁC CHỈ SỐ TÁC ĐỘNG</b>                                                                      | <b>32</b> |
| 5.1. Các chỉ số tác động bắt nguồn từ một hành động thanh tra đơn lẻ                               | 32        |
| 5.2. Các chỉ số tác động liên quan đến việc tuân thủ                                               | 34        |
| a) Các chỉ số tác động dựa trên số lượng khiếu nại                                                 | 34        |
| b) Các chỉ số tác động dựa trên mức độ tuân thủ và không tuân thủ được thanh tra lao động xác minh | 35        |
| c) Các chỉ số tác động dựa trên tỉ lệ tai nạn lao động                                             | 37        |
| d) Các chỉ số tác động dựa trên tỉ lệ tái diễn vi phạm                                             | 38        |
| e) Các chỉ số tác động dựa trên việc chính quy hóa                                                 | 39        |
| f) Các chỉ số tác động dựa trên nhà thầu phụ                                                       | 40        |
| g) Các chỉ số tác động dựa trên khảo sát                                                           | 41        |
| h) Các chỉ số tác động dựa trên các nguồn khác ngoài số liệu thống kê thanh tra                    | 42        |
| i) Nghiên cứu để xác định các hoạt động thanh tra có tác động lớn nhất                             | 43        |
| <b>6. NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH VÀ KẾT LUẬN</b>                                                        | <b>45</b> |
| 6.1. Tính phù hợp của các chỉ số                                                                   | 45        |
| 6.2. Các chỉ số hành động thanh tra                                                                | 45        |
| 6.3. Các chỉ số hiệu quả                                                                           | 45        |
| 6.4. Các chỉ số hiệu suất                                                                          | 46        |
| 6.5. Các chỉ số tác động                                                                           | 47        |
| <b>7. CÁC HÀNH ĐỘNG ĐỀ XUẤT</b>                                                                    | <b>50</b> |
| 7.1. Các chỉ số của hoạt động thanh tra                                                            | 50        |
| 7.2. Sử dụng các chỉ số hiệu quả và hiệu suất                                                      | 50        |
| 7.3. Sử dụng các chỉ số hiệu quả và hiệu suất                                                      | 50        |
| 7.4. Các chỉ số hiệu suất                                                                          | 51        |
| 7.5. Các chỉ số tác động                                                                           | 51        |

## ► TÓM TẮT

Dựa trên Hướng dẫn của ILO về Hòa hòa hóa Thống kê Thanh tra Lao động,<sup>2</sup> ILO đã tiến hành khảo sát với sự tham gia của một số cơ quan thanh tra lao động về các chỉ số và tiêu chí mà họ sử dụng để đo lường tác động của hoạt động thanh tra cũng như tính hiệu quả, hiệu suất và tỷ lệ thâm nhập của hoạt động này. Thông tin và những hiểu biết sâu sắc thu được từ cuộc khảo sát chiếm phần lớn trong báo cáo nghiên cứu này và được trình bày theo bốn phần, mỗi phần đề cập đến một loại chỉ số khác nhau.

**1. Các chỉ số về hành động thanh tra** nắm bắt đặc điểm của các hoạt động thanh tra trong một khoảng thời gian. Các chỉ số này thường được các cơ quan thanh tra sử dụng và chỉ nhằm mô tả bản thân các hành động thanh tra, không đề cập tới kết quả hay cách thức thực hiện các hành động đó.

Các chỉ số về hành động thanh tra có thể được phân thành 4 nhóm: các chỉ số liên quan đến phân loại hành động thanh tra theo hoạt động kinh tế, khu vực địa lý, vấn đề và quy mô của đơn vị sản xuất; các chỉ số liên quan đến căn nguyên của hành động, đặc biệt là hành động thanh tra theo kế hoạch và hành động thanh tra đột xuất\*; các chỉ số dùng riêng cho các cuộc thanh tra; và những chỉ số khác.

**2. Các chỉ số hiệu quả** mô tả kết quả làm việc của thanh tra viên lao động. Các chỉ số này có thể đề cập đến kết quả dưới dạng các quyết định và thành tích (ví dụ khắc phục sai phạm) của thanh tra viên, hoặc quy mô hoặc sự thâm nhập của các hoạt động thanh tra lao động trong một ngành, một khu vực địa lý cụ thể, v.v.

**3. Các chỉ số hiệu suất** cho thấy khả năng thực hiện hoạt động của cơ quan thanh tra lao động nhằm đạt được kết quả mong muốn và đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng cần thiết với các nguồn lực sẵn có. Các chỉ số hiệu suất được phân tích trong báo cáo này là: tỷ lệ giữa yêu cầu về công việc và công việc thực sự được thực hiện, tỷ lệ giữa số hành động thanh tra theo kế hoạch với hành động thanh tra đột xuất, thời gian phản hồi, thời gian trung bình dành cho các hành động thanh tra, và việc sử dụng chỉ số hiệu suất trong các chiến dịch thanh tra.

**4. Các chỉ số tác động** nhằm đo lường tác động của các hành động thanh tra ở ngoài phạm vi đối tượng hưởng lợi trực tiếp. Điều này có nghĩa là đo lường các tác động gián tiếp đối với người lao động (NLĐ) làm trong các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất/nơi làm việc không phải là những nơi được thanh tra trực tiếp và tác động tới các doanh nghiệp khác. Các chỉ số tác động có thể được phân loại theo các chỉ số liên quan đến một hành động thanh tra đơn lẻ hoặc các chỉ số liên quan đến việc tuân thủ ở cấp độ rộng hơn.

\* Bản gốc tiếng Anh sử dụng thuật ngữ "proactive inspection action" và "reactive inspection action", tạm dịch là "hành động thanh tra chủ động" và "hành động thanh tra phản ứng". Trong bản dịch này, để thuận tiện cho người đọc Việt Nam, hai thuật ngữ này được dịch thành "thanh tra theo kế hoạch" và "thanh tra đột xuất". Tuy nhiên, ở một vài mục, thuật ngữ này vẫn được giữ nguyên như bản gốc (tức là "thanh tra chủ động" và "thanh tra phản ứng") để phù hợp với bối cảnh mà thuật ngữ này được đề cập.

2 [https://www.ilo.org/global/about-the-ilo/how-the-ilo-works/departments-and-offices/governance/labadmin-osh/WCMS\\_506961/lang-en/index.htm](https://www.ilo.org/global/about-the-ilo/how-the-ilo-works/departments-and-offices/governance/labadmin-osh/WCMS_506961/lang-en/index.htm)



## ► PHƯƠNG PHÁP LUẬN

---

Hướng dẫn của ILO về Hòa hòa hóa Thống kê Thanh tra Lao động là cơ sở cho hầu hết các khái niệm được đề cập trong báo cáo này.

Dựa trên Hướng dẫn này, ILO đã tiến hành một khảo sát với sự tham gia của 19 cơ quan thanh tra lao động được liệt kê ở trang 2 về các chỉ số và tiêu chí mà họ sử dụng để đo lường tác động của hoạt động thanh tra cũng như hiệu quả, hiệu suất và tỉ lệ thâm nhập của hoạt động này.

Thông tin và hiểu biết sâu sắc thu được từ cuộc khảo sát chiếm phần lớn nội dung của nghiên cứu này và được cấu trúc thành bốn phần, mỗi phần đề cập đến một loại chỉ số khác nhau.

Các thông tin thu được từ khảo sát được xử lý dữ liệu và trình bày trong 19 bảng, so sánh tất cả các quốc gia liên quan. Nội dung trong các bảng không đơn giản; do đó một số từ viết tắt đã được sử dụng.

Các chỉ số thường được xây dựng từ dữ liệu liên quan đến hoạt động thanh tra do cơ quan thanh tra ghi lại, nhưng đôi khi các dữ liệu bên ngoài khác cũng được thu thập để đo lường tác động của hoạt động thanh tra lao động đối với xã hội nói chung, và đây cũng là mục tiêu của nghiên cứu này.

Trong mọi trường hợp, thông tin được trình bày và phân tích trong báo cáo này có thể được cải thiện và đào sâu hơn trong các nghiên cứu tiếp theo. Mục đích của báo cáo này là đưa ra một bức tranh tổng thể về tình hình, đưa ra một số phát hiện cơ bản và rút ra một số kết luận.

▶ 1.



## ► 1. GIỚI THIỆU

Theo đoạn 3.3.2 trong tài liệu **Hướng dẫn về các nguyên tắc chung của thanh tra lao động<sup>3</sup>** của ILO “Việc sử dụng các chỉ số hoạt động là cần thiết để cải thiện và giám sát hiệu quả và hiệu suất của cơ quan thanh tra. Các chỉ số định lượng phải đi đôi với các chỉ số định tính để đo lường tác động của hoạt động thanh tra lao động tới việc tăng cường tuân thủ pháp luật lao động”.

Văn phòng Tổ chức Lao động Quốc tế, thông qua Ban Quản lý Lao động, Thanh tra Lao động và An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp (LABADMIN/OSH), mong muốn cung cấp cho các đối tác thành viên một nghiên cứu giúp họ đo lường tác động của các hệ thống thanh tra lao động.

Đo lường tác động của hoạt động thanh tra lao động là một nhiệm vụ khó khăn, một phần vì loại dữ liệu cần thiết có thể không có sẵn, một phần vì mối quan hệ nhân quả giữa hành động thanh tra và những thay đổi quan sát được có thể không đủ rõ ràng hoặc không đủ mạnh. Vì lý do này, chúng tôi không giới hạn cung cấp thông tin về các chỉ số tác động theo nghĩa chặt chẽ mà còn xem xét các chỉ số khác. Giả định là nếu một cơ quan thanh tra hoạt động hiệu quả, đảm bảo hiệu suất và có tỉ lệ thâm nhập cao trong các lĩnh vực ưu tiên thì cơ quan này sẽ có tác động rõ rệt đến NSDLĐ và NLĐ của một quốc gia cũng như mức độ tuân thủ luật lao động của họ.

Một khó khăn khác gặp phải trong nghiên cứu này là tính không đồng nhất giữa các cơ quan thanh tra lao động, ở tất cả các khía cạnh: khuôn khổ pháp lý và thể chế, tổ chức, thẩm quyền, quyền giám sát và xử phạt, nguồn lực, v.v. Tính không đồng nhất này làm cho việc xác định và sử dụng các chỉ số chung để đo lường hiệu suất, hiệu quả và tác động trở nên phức tạp.

Tuy nhiên, ngoài Báo cáo về Quản lý Lao động và Thanh tra Lao động năm 2011 được thảo luận tại phiên họp thứ 100 của Hội nghị Lao động Quốc tế, năm 2016, Tổ chức Lao động Quốc tế đã xuất bản Hướng dẫn Hải hòa hóa Thống kê Thanh tra Lao động (sau đây gọi là “Hướng dẫn của ILO”).<sup>4</sup> Hướng dẫn này trình bày một phương pháp sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa chung cũng như các quy trình chung để thu thập và tổng hợp dữ liệu thanh tra lao động.

Bốn loại chỉ số là:

- a) **Các chỉ số về hành động thanh tra**, nắm bắt đặc điểm của hành động thanh tra trong một khoảng thời gian;
  - b) **Các chỉ số hiệu quả**, thể hiện khả năng đạt được kết quả dự kiến của cơ quan thanh tra lao động, thông qua các hành động thanh tra, có thể bao gồm các quyết định của thanh tra viên lao động và những cải tiến được thúc đẩy bởi các quyết định đó.
- Các chỉ số tỉ lệ thâm nhập cũng đã được đưa vào danh mục này. Những chỉ số này có thể là công cụ đo lường mức độ của các hoạt động thanh tra lao động theo ngành, khu vực địa lý hoặc quy mô doanh nghiệp, và cũng có thể là công cụ hữu ích để lập kế hoạch cho các hoạt động đó;
- c) **Các chỉ số hiệu suất**, thể hiện khả năng của cơ quan thanh tra lao động trong việc thực hiện các hoạt động nhằm mang lại kết quả mong đợi và đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng cần thiết với các nguồn lực sẵn có;
  - d) **Các chỉ số tác động** nhằm đo lường tác động của các hành động thanh tra đối với NLĐ hoặc nơi làm việc ngoài những nơi được thanh tra.

3 [https://www.ilo.org/gb/GBSessions/GB344/ins/WCMS\\_837345/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/gb/GBSessions/GB344/ins/WCMS_837345/lang--en/index.htm)

4 [https://www.ilo.org/global/about-the-ilo/how-the-ilo-works/departments-and-offices/governance/labadmin-osh/WCMS\\_506961/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/global/about-the-ilo/how-the-ilo-works/departments-and-offices/governance/labadmin-osh/WCMS_506961/lang--en/index.htm)

Trong bối cảnh của nghiên cứu này, ý tưởng về chỉ số tác động (d) cần được làm rõ bằng cách giải thích ý nghĩa của cụm từ “ảnh hưởng đến những NLD khác” và “tác động đến các nơi làm việc khác”.

“Ảnh hưởng đến những NLD khác” có nghĩa là một hành động thanh tra đơn lẻ hướng vào một NLD hoặc một nhóm NLD cụ thể và có thể có ảnh hưởng đến những NLD khác ở cùng nơi làm việc. Tài liệu Hướng dẫn của ILO đề xuất một vài chỉ số để đo lường các tác động thuộc loại này:

- Một trong những chỉ số đó là số vi phạm được phát hiện chỉ liên quan đến một NLD đã được khắc phục hoàn toàn, và tác động ở khía cạnh số lượng NLD có đời sống và điều kiện làm việc được cải thiện nhờ các biện pháp can thiệp đã thực hiện.
- Một chỉ số khác, đề xuất trong tài liệu này, đo lường tác động của các hành động thanh tra riêng lẻ đối với những NLD khác, ngoài những người lúc đầu hướng tới, bằng cách kiểm tra tỉ lệ tái diễn lại sai phạm hoặc các sai phạm tương tự tại cùng nơi làm việc trong một số năm tiếp theo sau khi thanh tra.

“Tác động đến các nơi làm việc khác” đề cập đến thực tế là các hành động thanh tra nhằm vào một nơi làm việc hoặc một đơn vị sản xuất cụ thể cũng có thể có ảnh hưởng đến những nơi làm việc khác có đặc điểm tương tự trong cùng ngành hoặc cùng khu vực địa lý.

Trong nhóm này là **các chỉ số tác động về việc tuân thủ**, nhằm đo lường hiệu quả hoặc ảnh hưởng của các hành động thanh tra lao động đối với những nơi làm việc không phải là nơi được thanh tra hoặc đối với toàn thể tất cả NLD.

Các chỉ số này, mặc dù được xây dựng để đo lường tác động ở cấp khu vực hoặc quốc gia, nhưng vẫn có thể không hoàn hảo. Có hai lý do cho việc này:

- Không có dữ liệu nào có thể cung cấp bằng chứng không thể chối cãi rằng các hành động thanh tra đã dẫn tới những thay đổi quan sát được trên phạm vi toàn quốc;
- Cơ quan thanh tra lao động chỉ thanh tra một phần nhỏ trong tổng số nơi làm việc nên tác động có thể hạn chế hơn nhiều so với những gì các chỉ số tác động gợi ý. Mặc dù vậy, các chỉ số nhóm này phù hợp nhất để đo lường loại tác động này.

Thông tin thu thập được qua nghiên cứu này — ở một số quốc gia — liên quan đến việc sử dụng các chỉ số đo lường tác động đến việc tuân thủ được trình bày trong mục 4.2. Với nghiên cứu này, Ban Quản lý Lao động, Thanh tra Lao động và An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp của ILO mong muốn chia sẻ thông tin về các thực hành tốt trong lĩnh vực này, vì chỉ một số ít trong số các cơ quan thanh tra khảo sát sử dụng các chỉ số loại này. Nghiên cứu này sẽ cung cấp cho ILO một nguồn thông tin quan trọng mà các quốc gia đang mong muốn cải thiện hệ thống thanh tra lao động cũng có thể sử dụng.

Ngoài lợi ích tiềm tàng của nghiên cứu này đối với các cơ quan thanh tra tham gia khảo sát, ILO mong muốn thông tin tới được nhiều độc giả hơn và phục vụ mục đích rộng hơn, bao gồm tất cả các cơ quan thanh tra đang tìm cách đánh giá hiệu quả hoạt động của mình và tác động tạo ra. Theo đó, các quốc gia được mời tham gia nghiên cứu nằm ở cả 5 châu lục trên thế giới và các cơ quan thanh tra của họ khác nhau về nhiệm vụ và nguồn lực. Ngoài ra, với mong muốn cung cấp thông tin hữu ích cho nhiều cơ quan thanh tra nhất có thể, nghiên cứu này đề cập đến tất cả các loại chỉ số, và cung cấp cả định nghĩa và ví dụ.

Tóm lại, mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích ở cấp độ toàn cầu tất cả các loại chỉ số thanh tra lao động (liên quan đến hành động thanh tra, hiệu quả và hiệu suất), cũng như xem xét kinh nghiệm thực tế của các chỉ số tác động và lợi ích tiềm năng của chúng đối với việc thiết kế và thực hiện các chính sách và chiến lược thanh tra lao động.

# ▶ 2.



## ► 2. CÁC CHỈ SỐ VỀ HÀNH ĐỘNG THANH TRA

---

Như đã nêu trong tài liệu Hướng dẫn của ILO, “một hành động thanh tra diễn ra khi một hoặc nhiều thanh tra viên thực hiện một hành động đơn lẻ và riêng biệt để xác định việc tuân thủ pháp luật lao động, cho dù là hành động theo kế hoạch hay hành động đột xuất. Các hành động thanh tra bao gồm: cuộc thanh tra, dịch vụ phòng ngừa hoặc tư vấn, kiểm tra tài liệu, các thủ tục và một số hành động khác”.

Những hành động như vậy có thể được thực hiện trong các cuộc thanh tra, dù là theo kế hoạch hay đột xuất, hoặc theo những cách khác:

- rà soát tài liệu, phỏng vấn, tham vấn với các tổ chức khác, dịch vụ tư vấn, truyền thông, thông tin và các chiến dịch nâng cao nhận thức;
- hợp tác với đơn vị truyền thông và các bên liên quan khác, chẳng hạn như các doanh nghiệp, thương hiệu có ảnh hưởng và xã hội dân sự, để tăng áp lực tuân thủ;
- thu thập dữ liệu tuân thủ từ tất cả các nguồn có thể, bao gồm hệ thống hồ sơ công, đơn vị cung cấp năng lượng, các bên liên quan và phương tiện truyền thông.

Các chỉ số về hành động thanh tra thường được tất cả các cơ quan thanh tra sử dụng và chỉ mô tả bản thân các hành động thanh tra, bất kể kết quả hay cách thức thực hiện chúng.

Các chỉ số về hành động thanh tra có thể được phân thành 4 nhóm: các chỉ số liên quan đến việc phân bổ hành động thanh tra theo hoạt động kinh tế, khu vực địa lý, vấn đề và quy mô của đơn vị sản xuất; các chỉ số liên quan đến căn nguyên của hành động, đặc biệt là hành động thanh tra theo kế hoạch và hành động thanh tra đột xuất; các chỉ số dùng riêng cho các cuộc thanh tra; và những chỉ số khác.

### 2.1. Các chỉ số hành động thanh tra được sử dụng rộng rãi nhất

Các chỉ số hành động thanh tra là chỉ số phân loại hành động thanh tra theo hoạt động kinh tế, khu vực địa lý, vấn đề, và quy mô của doanh nghiệp, nơi làm việc hoặc đơn vị sản xuất được thanh tra.

Bảng 1 trình bày phản hồi của các cơ quan thanh tra tham gia khảo sát.

► **Bảng 1 – Các chỉ số hành động thanh tra được sử dụng rộng rãi nhất**

|                |    | PHÂN LOẠI THEO NGÀNH              | PHÂN LOẠI THEO VÙNG            | PHÂN LOẠI THEO VẤN ĐỀ                     | PHÂN LOẠI THEO QUY MÔ CỦA ĐƠN VỊ SẢN XUẤT |
|----------------|----|-----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Có                                | Có                             | Có                                        | Có                                        |
|                | TN | Có/Có thể sử dụng trong ATSKNN    | Có/Có thể sử dụng trong ATSKNN | Chỉ cho một số vấn đề/ Không trong ATSKNN | Có /Có thể sử dụng trong ATSKNN           |
| Asia           | KR | Có                                | Có/Không trong ATSKNN          | Có                                        | Có                                        |
|                | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR | Có<br>Có<br>Có<br>Có           | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR         | Có<br>Có<br>Có<br>Không                   |
|                | PH | Có                                | Có                             | Có                                        | Có                                        |
|                |    |                                   |                                |                                           |                                           |
| Châu Âu        | DK | Có                                | Có                             | Chỉ cho một số vấn đề                     | Chỉ cho một số vấn đề                     |
|                | ES | Có                                | Có                             | Có                                        | Có                                        |
|                | FR | Có                                | Có                             | Có                                        | Có                                        |
|                | MT | Có                                | Có                             | Có                                        | Có                                        |
|                | PL | Có                                | Có                             | Có                                        | Có                                        |
|                | SW | Có                                | Có                             | Có                                        | Có                                        |
|                | UK | Không <sup>5</sup>                | Có                             | Có                                        | Không                                     |
| Châu Mỹ        | CO | Có                                | Có                             | Có                                        | Không                                     |
|                | CL | Có                                | Có                             | Có                                        | Có                                        |
|                | PE | Có                                | Có                             | Có                                        | Có                                        |
|                | UY | Có                                | Có                             | Có/Không trong ATSKNN                     | Có/Không trong ATSKNN                     |
| Châu Đại Dương | AU | Có                                | Có                             | Có                                        | Có thể sử dụng                            |
|                | NZ | Không <sup>6</sup>                | Có                             | Có                                        | Có thể sử dụng                            |

### a) Phân loại theo hoạt động kinh tế

Phân loại theo ngành rất phổ biến trong hoạt động thống kê của hầu hết các cơ quan thanh tra tham gia khảo sát, ngoại trừ Vương Quốc Anh và New Zealand áp dụng hệ thống phân loại theo vấn đề, loại vụ việc hoặc đối tượng vi phạm, đôi khi trùng với ngành kinh tế.

Công cụ phân loại các ngành công nghiệp có thể là theo NACE (Hệ thống phân loại các hoạt động kinh tế của Liên minh Châu Âu) hoặc các công cụ tương tự khác.

<sup>5</sup> Theo đối tượng vi phạm.

<sup>6</sup> Theo loại trường hợp.

Ở Ba Lan còn phân loại theo khu vực công và khu vực tư nhân, điều này có thể hữu ích trong việc đo lường hoạt động của các cơ quan thanh tra lao động ở cả hai khu vực, theo tỉ lệ.

Chỉ số này có thể phù hợp cho mục đích lập kế hoạch, nhằm đảm bảo rằng các lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm nhất được quan tâm đúng mức và không bị bỏ qua.

Hơn nữa, dữ liệu này có thể giúp lượng hóa một số chỉ số đo lường hiệu quả, chẳng hạn như những chỉ số liên quan đến tỉ lệ thâm nhập của hoạt động thanh tra lao động trong từng khu vực kinh tế, như được phân tích tại mục 2.3 của báo cáo này.

## **b) Phân loại theo vùng**

Phân loại các hoạt động theo khu vực địa lý cũng phổ biến, ngoại trừ một số trường hợp có ít vùng phân chia theo cơ quan thanh tra phụ trách như ở Malaysia hoặc cơ quan thanh tra chuyên ngành ATSKNN ở Tunisia và Hàn Quốc. Dữ liệu thường tương ứng với việc phân chia khu vực địa lý của cơ quan thanh tra ở mỗi bang.

Chỉ số này cũng có thể phù hợp cho việc lập kế hoạch, nhằm đảm bảo rằng các hoạt động thanh tra và nguồn nhân lực được phân bổ phù hợp cho từng vùng lãnh thổ.

Chỉ số hiệu quả về tỉ lệ thâm nhập của các hành động thanh tra lao động theo khu vực địa lý, được mô tả trong mục 2.3 dưới đây, cũng có thể được tính toán dễ dàng bằng cách sử dụng những dữ liệu này.

## **c) Phân loại theo vấn đề**

Hình thức phân loại này cũng rất phổ biến, ngoại trừ Tunisia và Đông Uruguay (đối với các vấn đề ATSKNN) và ở một số vùng của Malaysia. Ở một số quốc gia, đặc biệt là Tunisia và Đan Mạch, hình thức phân loại này chỉ áp dụng với một số vấn đề cụ thể.

Việc phân loại theo vấn đề phụ thuộc vào phạm vi chức năng của mỗi cơ quan thanh tra được xác định theo luật pháp quốc gia và do vậy có thể khác nhau đáng kể giữa các nước. Vì vậy, việc so sánh kết quả không dễ dàng.

Hình thức phân loại này có thể giúp xây dựng một số chỉ số đo lường hiệu quả khác, chẳng hạn như số hành động thanh tra để giải quyết từng vấn đề khác nhau bằng cách đo lường thời gian và nguồn lực sử dụng cho mỗi trường hợp trong mối tương quan với các chỉ số khác, như thảo luận trong mục 2.3.

## **d) Phân loại theo quy mô đơn vị kinh tế**

Chỉ số này được sử dụng bởi 12 cơ quan thanh tra. Mức giới hạn về số lượng NLĐ của các doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn có thể khác nhau, như phần trình bày dưới đây.

Ở Ba Lan và Bồ Đào Nha, cách phân loại như sau: doanh nghiệp siêu nhỏ: ít hơn 9 NLD; nhỏ: 9 đến 49 NLD; vừa: 50 đến 249 NLD; lớn: từ 250 NLD trở lên.

Ở Philippines, doanh nghiệp siêu nhỏ: tối đa 9 NLD; nhỏ: từ 10 đến 99 NLD; vừa: từ 100 đến 199 NLD; lớn: trên 200 NLD.

Ở Pháp, việc phân loại phụ thuộc vào tính chất của nơi làm việc: công trường, nhà máy, xưởng sửa chữa tàu thuyền, v.v.

Việc đo lường chỉ số này sẽ cho biết liệu các hoạt động thanh tra có đang tập trung vào các doanh nghiệp lớn và vừa hay không, trong khi các doanh nghiệp nhỏ cần được thanh tra thường xuyên hơn lại bị bỏ qua.

Trong mọi trường hợp, để thực hiện việc đánh giá này, cần phải tính đến các yếu tố khác, chẳng hạn như số NLD bị ảnh hưởng bởi hành động thanh tra, tính chất của hoạt động kinh tế và mức độ vi phạm trong từng lĩnh vực.

**Tóm lại,** các chỉ số hoạt động thường có những đặc điểm sau:

1. Được sử dụng phổ biến bởi các cơ quan thanh tra; các chỉ số này là khách quan nhất hoặc ít phụ thuộc vào việc phiên giải dữ liệu nhất.
2. Trên cơ sở các chỉ số này, việc so sánh giữa các cơ quan thanh tra sẽ dễ dàng hơn, nhất là khi các cơ quan này có nhiệm vụ tương tự nhau.
3. Sử dụng dữ liệu liên quan đến các chỉ số hoạt động có thể xây dựng một số chỉ số đo lường hiệu quả phù hợp, chẳng hạn như các chỉ số liên quan đến tỉ lệ thâm nhập (như được phân tích trong mục 2.3 của báo cáo này).

## 2.2 Các chỉ số liên quan đến nguyên nhân của hành động thanh tra

Các chỉ số hoạt động khác được sử dụng chủ yếu để xác định căn nguyên của các hành động thanh tra. Phổ biến nhất là phân biệt giữa các hành động thanh tra theo kế hoạch, tức là những hành động do chính cơ quan thanh tra khởi xướng (chẳng hạn như chiến dịch thanh tra) và các hành động thanh tra đột xuất, tức là những hành động được kích hoạt bởi khiếu nại, điều tra tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp, hoặc mệnh lệnh hoặc hướng dẫn của cơ quan công quyền khác.

Mặc dù cách phân loại này không được tất cả các cơ quan thanh tra sử dụng rõ ràng nhưng nhiều cơ quan trong số đó cho rằng những dữ liệu này có thể được trích xuất từ những thông tin hiện có. Bảng 2 thể hiện phản hồi của các cơ quan thanh tra.

► Bảng 2 – Chỉ số về nguyên nhân của hoạt động thanh tra

|                |    | HÀNH ĐỘNG THEO KẾ HOẠCH VÀ ĐỘT XUẤT              |
|----------------|----|--------------------------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Có                                               |
|                | TN | Có/Có thể sử dụng trong ATSKNN                   |
| Châu Á         | KR | Có                                               |
|                | MY | DOSH Có<br>DOLPM Không<br>DOLSAB Có<br>DOLSAR Có |
|                | PH | Có <sup>7</sup>                                  |
| Châu Âu        | DK | Có                                               |
|                | ES | Có                                               |
|                | FR | Có                                               |
|                | MT | Có                                               |
|                | PL | Có                                               |
|                | PT | Có                                               |
|                | SW | Không                                            |
|                | UK | Có                                               |
| Châu Âu        | CO | Có                                               |
|                | CL | Có                                               |
|                | PE | Có <sup>8</sup>                                  |
|                | UY | Có thể sử dụng                                   |
| Châu Đại Dương | AU | Có                                               |
|                | NZ | Có <sup>9</sup>                                  |

7 Trong các cuộc thanh tra định kỳ, thanh tra khiếu nại, điều tra ATSKNN và thanh tra an toàn kỹ thuật.

8 Hành động được phân loại theo hoạt động bên trong và bên ngoài.

9 Công việc chủ động được gọi là thanh tra có kế hoạch; công việc kiểm toán và thanh tra đột xuất liên quan đến khiếu nại.

Như bảng trên cho thấy, việc phân loại theo hai nhóm theo kế hoạch/đột xuất có thể khả thi ở hầu hết 17 quốc gia. Tuy nhiên, các thuật ngữ sử dụng theo kế hoạch và đột xuất, cũng như loại hình thanh tra trong mỗi nhóm là khác nhau giữa các cơ quan thanh tra.

Cách phân loại này không thể sử dụng được ở các quốc gia như Pháp, nơi không có hồ sơ khiếu nại hoặc ở Đan Mạch, nơi có thể xác định các hành động thanh tra đột xuất thuần túy nhưng khó phân tách tất cả các hành động thanh tra theo hai nhóm này.

Có thể lấy New Zealand làm ví dụ về cách cơ quan thanh tra sử dụng cách phân loại này để phân loại các hành động thanh tra : họ có một loại vụ việc dành cho công việc theo kế hoạch, được gọi là Điều tra/Kiểm toán có Kế hoạch, với ba phân nhóm phụ: Điều tra có Kế hoạch, Thanh tra/Kiểm toán và Quan sát hành vi. Đối với công việc đột xuất, họ có một loại trường hợp gọi là Khiếu nại, với ba phân nhóm phụ: Tiêu chuẩn Việc làm, Giao dịch tại Cửa hàng (Shop Trading) và Bóc lột Người di cư.

Như thảo luận trong mục 3.1 dưới đây, những dữ liệu này có thể được xử lý để tính toán chỉ số đo lường hiệu suất dựa trên tỉ lệ giữa các hành động thanh tra theo kế hoạch và hành động thanh tra đột xuất.

### 2.3. Các chỉ số hành động dành riêng cho cuộc thanh tra tại nơi làm việc

Thông thường, cần có một chỉ số riêng cho các cuộc thanh tra nơi làm việc, để phân tách chúng ra khỏi các hành động thanh tra khác, chẳng hạn như những hành động được thực hiện tại văn phòng của cơ quan thanh tra. Chỉ một số ít quốc gia thực hiện tất cả các hành động thanh tra trong quá trình triển khai các cuộc thanh tra tại nơi làm việc.

Tuy nhiên, việc sử dụng chỉ số dựa trên phân loại cuộc thanh tra (không giống như cuộc thanh tra tại nơi làm việc) không quá phổ biến. Ở tám quốc gia, không có chỉ số nào như vậy được sử dụng và trong trường hợp có thì hình thức phân loại này có thể khác nhau đáng kể.

Bảng 3 trình bày ý kiến phản hồi của các quốc gia khảo sát.

► **Bảng 3 – Cuộc thanh tra tại nơi làm việc / Chỉ số đo lường hành động thanh tra trong các cuộc thanh tra nơi làm việc**

|          |    | THANH TRA NƠI LÀM VIỆC            | THEO LOẠI CUỘC THANH TRA     |
|----------|----|-----------------------------------|------------------------------|
| Châu Phi | ZA | Có                                | Không                        |
|          | TN | Có/Có thể sử dụng trong ATSKNN    | Không                        |
| Châu Á   | KR | Có                                | Có/Không có trong ATSKNN     |
|          | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR | Có<br>Không<br>Có<br>Có      |
|          | PH | Có                                | Có                           |
|          |    |                                   |                              |
| Châu Âu  | DK | Có <sup>10</sup>                  | Có thể sử dụng <sup>11</sup> |
|          | ES | Có                                | Có <sup>12</sup>             |
|          | FR | Có                                | Có <sup>13</sup>             |
|          | MT | Có                                | Có <sup>14</sup>             |
|          | PL | Có <sup>15</sup>                  | Có <sup>16</sup>             |
|          | PT | Có                                | Có <sup>17</sup>             |
|          | SW | Không                             | Có                           |
|          | UK | Có                                | Không <sup>18</sup>          |

10 Mọi hành động thanh tra đều được thực hiện thông qua các cuộc thanh tra.

11 Có thể phân loại các cuộc thanh tra thành có báo trước, không báo trước, thanh tra ban đầu, theo dõi sau thanh tra, hoặc có sự tham gia của một hoặc nhiều thanh tra viên.

12 Cuộc thanh tra lần đầu và cuộc kiểm tra sau thanh tra, cuộc ban ngày và ban đêm, vào ngày lễ, thanh tra liên ngành cùng với công an.

13 Các cuộc thanh tra liên ngành, các cuộc thanh tra ngoài thời gian làm việc thông thường, các cuộc thanh tra lần đầu và các cuộc kiểm tra sau thanh tra; không có sự phân biệt giữa các cuộc thanh tra có báo trước và không báo trước.

14 Thanh tra định kỳ, cuộc kiểm tra sau thanh tra, và cuộc thanh tra trước đây, thanh tra trong giờ làm việc thông thường và ngoài giờ, số cuộc tái thanh tra.

15 Thanh tra / Thúc đẩy tuân thủ.

16 Thanh tra ban đêm, vào ngày lễ, thời lượng, số lượng thanh tra viên, hợp tác với các cơ quan chức năng khác.

17 Cuộc thanh tra đầu tiên và cuộc kiểm tra sau thanh tra, thanh tra ban ngày hay ban đêm, thanh tra liên ngành với các cơ quan khác.

18 Thanh tra viên quyết định cách thức hành động.

| (TIẾP)  |    | THANH TRA NƠI LÀM VIỆC | THEO LOẠI CUỘC THANH TRA |
|---------|----|------------------------|--------------------------|
| Châu Mỹ | CO | Có                     | Có <sup>19</sup>         |
|         | CL | Có thể sử dụng         | Có thể sử dụng           |
|         | PE | Có                     | Có <sup>20</sup>         |
|         | UY | Có                     | Không                    |
| Châu Mỹ | NZ | P.U.                   | Có <sup>21</sup>         |

Đây là những cách phân loại phổ biến nhất được cơ quan thanh tra lao động sử dụng cho các cuộc thanh tra nơi làm việc:

- ▶ Các cuộc thanh tra có báo trước và đột xuất: các cuộc thanh tra có thông báo trước thường được thực hiện trong trường hợp thuộc chiến dịch thúc đẩy tuân thủ hoặc các chuyến làm việc đến doanh nghiệp nhưng không phải là hoạt động thanh tra;
- ▶ Các cuộc thanh tra lần đầu và các cuộc kiểm tra sau thanh tra: các cuộc kiểm tra thường được thực hiện để kiểm tra xem người có nghĩa vụ đã thực hiện hành động gì để đáp lại các thông báo cải tiến, lệnh cấm, kiến nghị;
- ▶ Thanh tra trong giờ làm việc thông thường và ngoài giờ, vào ban đêm hoặc ngày lễ. Các cuộc thanh tra ngoài giờ, vào ban đêm hay ngày lễ nhằm cho công chúng biết rằng cơ quan thanh tra có thể hành động bất cứ lúc nào;
- ▶ Các cuộc thanh tra thông thường và các cuộc thanh tra liên ngành phối hợp cùng các cơ quan có thẩm quyền khác. Dữ liệu về các cuộc thanh tra liên ngành có thể nhằm cho thấy luôn có sự hiểu biết giữa các cơ quan chức năng khác nhau nhưng có cùng mục tiêu chung.

## 2.4. Các chỉ số hoạt động khác

Một số chỉ số dùng để nắm bắt các khía cạnh khác của hoạt động thanh tra hoặc các loại hoạt động thanh tra mà không diễn ra trong các cuộc thanh tra tại nơi làm việc. Dưới đây là một số ví dụ:

- ▶ Các chỉ số cho các hành động thanh tra phát sinh từ thủ tục ủy quyền do thanh tra viên cấp hoặc báo cáo (Hàn Quốc, Ba Lan, v.v.);
- ▶ Các chỉ số cho các hành động không phải thanh tra, chẳng hạn như đào tạo, phản hồi các yêu cầu hay câu hỏi từ bên ngoài (Vương Quốc Anh), nâng cao nhận thức (Pháp, Ba Lan, v.v.);
- ▶ Các chỉ số cho các hành động thanh tra tách biệt với cuộc thanh tra, chẳng hạn như cuộc họp với người có nghĩa vụ sau các cuộc thanh tra, kiểm tra và thông báo về thiết bị (Malta);
- ▶ Các chỉ số cho các hành động thanh tra phân loại theo NSDLĐ (Colombia) (thể nhân, pháp nhân, hợp tác xã, hiệp hội, v.v.) hoặc theo tính chất của nơi làm việc (Pháp);
- ▶ Trong trường hợp đặc biệt và mang tính tạm thời, một số cơ quan thanh tra sử dụng các chỉ số về hành động thanh tra liên quan tới COVID-19.

<sup>19</sup> Theo kế hoạch hoặc chương trình.

<sup>20</sup> Tùy theo người được phân công.

<sup>21</sup> Triển khai chung khi có sự tham gia của cơ quan quản lý khác.

# ▶ 3.



### ► 3. CÁC CHỈ SỐ HIỆU QUẢ

---

Các chỉ số đo lường hiệu quả đề cập đến kết quả của các hành động của thanh tra viên lao động.

- Các hành động này bao gồm tất cả các quyết định của thanh tra viên phát sinh từ công việc thanh tra liên quan đến các vi phạm được báo cáo hoặc được phát hiện bởi thanh tra viên: thông báo cải tiến, lệnh cấm, kiến nghị, biện pháp trừng phạt được áp dụng hoặc đề xuất, đình chỉ công việc và yêu cầu đóng góp về bảo hiểm xã hội, cũng như các quyết định không liên quan đến vi phạm.
- Các chỉ số này cũng có thể đề cập các biện pháp khắc phục được NSDLĐ thực hiện như là kết quả của các hành động thanh tra, chẳng hạn như các vi phạm đã được khắc phục (toàn bộ hoặc một phần); các thông báo cải tiến/cấm thực hiện, đặc biệt liên quan đến ATSKNN; lao động tự do giả, hợp đồng lao động trái pháp luật hoặc cung ứng lao động bất hợp pháp trở thành hợp đồng lao động chính thức; thêm NLĐ được đăng ký tham gia hệ thống bảo hiểm xã hội; hoàn trả tiền lương đến hạn, v.v.
- Loại chỉ số này cũng có thể bao gồm tỉ lệ thâm nhập cung cấp thông tin liên quan đến mức độ hay cấp độ can thiệp của cơ quan thanh tra lao động theo ngành, vùng, vấn đề, loại hình hoặc tính chất của nơi làm việc hoặc đơn vị sản xuất, v.v.

Do đó, các chỉ số hiệu quả bao gồm cả kết quả tiêu cực và tích cực của công tác thanh tra lao động. Các quyết định, chẳng hạn như thông báo cấm hoạt động, thường được đưa ra khi thanh tra viên đang điều tra - hoặc sau khi họ đã điều tra - các hành vi vi phạm pháp luật lao động, trong khi việc khắc phục sai phạm là những kết quả tích cực đạt được từ các hành động của thanh tra viên.

#### 3.1. Các chỉ số liên quan đến quyết định của thanh tra viên

Các chỉ số hiệu quả này có thể được phân thành hai nhóm lớn: các quyết định phát sinh từ hành vi vi phạm và các quyết định không liên quan đến hành vi vi phạm. Nhóm đầu tiên có thể được chia thành: a) quyết định không khởi kiện hành vi vi phạm, b) quyết định khởi kiện hành vi vi phạm, c) các quyết định liên quan đến việc thực thi, thường là để đòi hoặc thu hồi tiền lương hoặc phúc lợi an sinh xã hội của NLĐ. Nhóm thứ hai - các quyết định không liên quan đến vi phạm (d) - bao gồm các hành động như chiến dịch nâng cao nhận thức hoặc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật.

### a) Các chỉ số cho những quyết định không khởi kiện vi phạm

Phản hồi của các cơ quan thanh tra về các chỉ số cho những quyết định không khởi kiện vi phạm, chẳng hạn như cảnh cáo, thông báo yêu cầu cải tiến, kiến nghị hoặc lệnh cấm, như được nêu trong Điều 17.2 của Công ước Thanh tra Lao động của ILO, 1947 (Số 81), được trình bày trong Bảng 4 như sau:

► Bảng 4 – Quyết định không khởi kiện vi phạm

|                |    | QUYẾT ĐỊNH KHÔNG<br>KHỞI KIẾN VI PHẠM | GIÁM SÁT CÁC QUYẾT ĐỊNH<br>KHÔNG ĐƯỢC TUÂN THỦ |
|----------------|----|---------------------------------------|------------------------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Có                                    | Có                                             |
|                | TN | Có                                    | Không                                          |
| Châu Á         | KR | Có                                    | Có                                             |
|                | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR     | Không<br>Không<br>Không<br>Không               |
|                | PH | P.U.                                  | Không                                          |
| Châu Âu        | DK | Có                                    | Có thể sử dụng                                 |
|                | ES | Có                                    | Không                                          |
|                | FR | Có                                    | Không                                          |
|                | MT | Có                                    | Có                                             |
|                | PL | Có                                    | Có                                             |
|                | PT | Có                                    | Không                                          |
|                | SW | Không                                 | Có                                             |
|                | UK | Có                                    | Không                                          |
| Châu Mỹ        | CO | Có                                    | Có                                             |
|                | CL | Có                                    | Có                                             |
|                | PE | Có                                    | Có                                             |
|                | UY | Có                                    | Có                                             |
| Châu Đại Dương | AU | Có                                    | Có                                             |
|                | NZ | Có                                    | Không                                          |

Về cơ bản, hầu hết các quốc gia tham gia khảo sát đều có chỉ số cho những quyết định này hoặc có cách để sử dụng chúng.

Tuy nhiên, 9 quốc gia không ghi lại kết quả của những quyết định mà không được thực thi bởi người có nghĩa vụ (xem Bảng 4, cột bên phải), mặc dù, trên thực tế, việc tuân thủ các quyết định sẽ là một chỉ số tốt về hiệu quả của loại hoạt động này của các cơ quan thanh tra.

## b) Các chỉ số cho những quyết định khởi kiện vi phạm

Các quyết định dẫn đến thủ tục tố tụng đòi hỏi phải tiến hành các thủ tục hành chính hoặc tư pháp đối với hành vi của NSDLĐ.

Liên quan đến các quyết định khởi kiện vi phạm, Bảng 5 thể hiện phản hồi của các cơ quan thanh tra tham gia khảo sát.

► Bảng 5 – Quyết định khởi kiện vi phạm

|                |    | QUYẾT ĐỊNH KHỞI KIẾN VI PHẠM                     | ĐÃ XÁC NHẬN HÌNH PHẠT                            |
|----------------|----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Có                                               | Có                                               |
|                | TN | Có/Không đối với ATSKNN                          | Không                                            |
| Châu Á         | KR | Có                                               | Có                                               |
|                | MY | DOSH Có<br>DOLPM Có<br>DOLSAB Có<br>DOLSAR Không | DOSH Có<br>DOLPM Có<br>DOLSAB Có<br>DOLSAR Không |
|                | PH | Không                                            | Không                                            |
| Châu Âu        | DK | Không <sup>22</sup>                              | Không                                            |
|                | ES | Có                                               | Không                                            |
|                | FR | Có                                               | Có                                               |
|                | MT | Có                                               | Không                                            |
|                | PL | Có                                               | Có                                               |
|                | PT | Có                                               | Có                                               |
|                | SW | Có                                               | Có                                               |
|                | UK | Không                                            | Có                                               |
| Châu Mỹ        | CO | Không                                            | Có <sup>23</sup>                                 |
|                | CL | Có                                               | Không <sup>24</sup>                              |
|                | PE | Có                                               | Có                                               |
|                | UY | Có                                               | Có                                               |
| Châu Đại Dương | AU | Có                                               | Có                                               |
|                | NZ | Có                                               | Có                                               |

<sup>22</sup> Dữ liệu đã được đăng ký nhưng không công khai.

<sup>23</sup> Hồ sơ ghi lại kết quả tố tụng.

<sup>24</sup> Phân loại nội bộ.

Hầu hết các quốc gia tham gia khảo sát đều lưu trữ hồ sơ hoặc số liệu thống kê liên quan đến các quyết định liên quan đến thủ tục tố tụng đối với hành vi vi phạm, ngoại trừ một số trường hợp ngoại lệ (Philippines, Đan Mạch, Vương quốc Anh và Colombia). Tuy nhiên, 8 quốc gia không có hồ sơ về số lượng hình phạt được đưa ra trong các thủ tục hành chính hoặc tư pháp và do đó không thể xác định tính hiệu quả của các quyết định kiểu này.

### c) Các chỉ số cho các quyết định liên quan đến khiếu nại và hành động khắc phục

Một số quốc gia có các chỉ số cho các loại quyết định khác mà không thể phân loại theo danh mục a) và b) ở trên vì các quyết định không phải về việc có nên tiến hành các thủ tục tố tụng với sai phạm hay không mà đề cập đến các loại hành động thực thi khác.

Các chỉ số này thường liên quan đến các yêu cầu đòi hoặc thu hồi các khoản đóng góp hoặc quyền lợi về an sinh xã hội và tiền lương của NLĐ, được chứng minh bằng các ví dụ sau:

Ở Tây Ban Nha, mỗi thanh tra viên có một số lượng đơn vị an sinh xã hội nhất định.

Liên quan đến trợ cấp an sinh xã hội, có các chỉ số liên quan đến số tiền trợ cấp bị lạm dụng khi người nhận kết hợp bất hợp pháp khoản tiền này với các hoạt động lao động, và các chỉ số về số lượng đăng ký và nộp đơn giả vào hệ thống an sinh xã hội nhằm thu lợi bất chính.

Về đăng ký và đóng góp an sinh xã hội, có các chỉ số về số lượng NLĐ đăng ký không đúng quy định, số tiền chưa đóng, v.v.

Về việc giám sát các hoạt động hỗ trợ và trợ cấp của nhà nước, có dữ liệu liên quan đến số tiền hỗ trợ và trợ cấp của các bang và các khu vực tự trị.

Về vấn đề ATSKNN, có dữ liệu về các hành động được thực hiện liên quan đến các cơ quan công quyền không phải chịu các thủ tục tố tụng vi phạm thông thường.

Ở New Zealand, cơ quan thanh tra có các công cụ thực thi cho phép thanh tra viên yêu cầu thanh toán các khoản nợ đọng, mặc dù chỉ liên quan đến tiền lương và các khoản thanh toán về nghỉ phép.

### d) Các chỉ số cho các quyết định không liên quan đến hành vi vi phạm

Đối với việc phân loại các hành động thanh tra không liên quan đến hành vi vi phạm (xem Bảng 6), một số quốc gia có dữ liệu về hoạt động khuyến khích, thúc đẩy tuân thủ hoặc hành động không phải thanh tra. Những quốc gia khác có một danh mục riêng dành cho các cuộc thanh tra trong đó không tìm thấy sai phạm nào, có thể được sử dụng cho một chỉ số tác động về mức độ tuân thủ (như được nêu dưới đây trong mục 4.2b).

► Bảng 6 – Các hành động thanh tra không liên quan đến hành vi vi phạm

|                |    | HÀNH ĐỘNG KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH VI VI PHẠM |
|----------------|----|-----------------------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Không                                         |
|                | TN | Không                                         |
| Châu Á         | KR | Có/Không đối với ATSKNN                       |
|                | MY | DOSH Có<br>DOLPM Có<br>DOLSAB Có<br>DOLSAR Có |
|                | PH | Không                                         |
| Châu Âu        | DK | Có <sup>26</sup>                              |
|                | ES | Có                                            |
|                | FR | Có                                            |
|                | MT | Có <sup>27</sup>                              |
|                | PL | Không <sup>28</sup>                           |
|                | PT | Không                                         |
|                | SW | Không                                         |
|                | UK | Có                                            |
| Châu Mỹ        | CO | Có <sup>29</sup>                              |
|                | CL | Không                                         |
|                | PE | Có <sup>30</sup>                              |
|                | UY | Không                                         |
| Châu Đại Dương | AU | Có <sup>31</sup>                              |
|                | NZ | Có <sup>32</sup>                              |

---

26 Các hành động không phải thanh tra.

27 Các chiến dịch nâng cao nhận thức.

28 Các hành động không phải thanh tra.

29 Trong các hành động phòng ngừa.

30 Các hành động hỗ trợ kỹ thuật.

31 Các chiến dịch nâng cao nhận thức.

32 Các dịch vụ tư vấn.

## 3.2. Các chỉ số về khắc phục sai phạm đạt được nhờ các hành động thanh tra

Khắc phục sai phạm có thể là kết quả của việc tuân thủ các cảnh báo, thông báo cải tiến và thông báo cấm, các kiến nghị hoặc lệnh của tòa án, như đã nêu trong mục 2.1.a) ở trên. Điều này cũng có thể là kết quả của các hành động thanh tra được thực hiện trong quá trình tiến hành các cuộc kiểm tra việc khắc phục sai phạm hoặc các hành động khác (ví dụ như chiến dịch nâng cao nhận thức).

Bảng 7 trình bày các phản hồi của cơ quan thanh tra về việc sử dụng các chỉ số đo lường việc khắc phục sai phạm đạt được từ các cuộc kiểm tra sau thanh tra và các chỉ số được sử dụng cho các kết quả khác (ví dụ các kết quả liên quan tới số lượng NLD không khai báo đã được chính thức hóa).

► **Bảng 7 – Các khắc phục sai phạm đạt được từ các hành động thanh tra**

|                |    | CÁC KHẮC PHỤC ĐẠT ĐƯỢC TỪ CÁC HÀNH ĐỘNG THANH TRA |                                     |
|----------------|----|---------------------------------------------------|-------------------------------------|
|                |    | THÔNG QUA CÁC CUỘC KIỂM TRA SAU THANH TRA         | THÔNG QUA CÁC HÀNH ĐỘNG KHÁC        |
| Châu Phi       | ZA | Có                                                | Không                               |
|                | TN | Không                                             | Không                               |
| Châu Á         | KR | Có                                                | Có                                  |
|                | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR                 | Có<br>Có<br>Không<br>Không<br>Không |
|                | PH | Có thể sử dụng                                    | Không                               |
|                |    |                                                   |                                     |
| Châu Âu        | DK | Có thể sử dụng                                    | Không                               |
|                | ES | Không                                             | Có                                  |
|                | FR | Không                                             | Không                               |
|                | MT | Có                                                | Không                               |
|                | PL | Có                                                | Có                                  |
|                | PT | Không                                             | Có                                  |
|                | SW | Không                                             | Không                               |
|                | UK | Không <sup>33</sup>                               | Có                                  |
| Châu Mỹ        | CO | Có                                                | Không                               |
|                | CL | Không                                             | Không                               |
|                | PE | Có <sup>34</sup>                                  | Có                                  |
|                | UY | Có                                                | Không                               |
| Châu Đại Dương | AU | Có                                                | Có                                  |
|                | NZ | Có                                                | Không                               |

33 Thanh tra viên vẫn tham gia cho đến khi các vi phạm được khắc phục.

34 Chỉ sử dụng cho các hành động thanh tra liên quan đến đại dịch.

Một số quốc gia có những chỉ số rất cụ thể trong lĩnh vực này. Dưới đây là một số ví dụ:

Tại Ba Lan, cơ quan Thanh tra Lao động Quốc gia thu thập dữ liệu liên quan đến các cuộc theo dõi tiếp theo: gọi là tái thanh tra. Họ cũng thu thập dữ liệu về các biện pháp pháp lý được áp dụng để phản hồi các thông tin mà NSDLĐ cung cấp về việc thực hiện các quyết định và hướng dẫn sau thanh tra.

Ở Bồ Đào Nha, cơ quan thanh tra lưu giữ các số liệu thống kê liên quan đến hợp đồng lao động giả và hợp đồng lao động bị phân loại sai đã được điều chỉnh hợp lệ, cũng như việc hợp pháp hóa lao động nước ngoài với việc cấp giấy phép lao động hợp lệ.

Ở Tây Ban Nha, cơ quan thanh tra lưu giữ số liệu thống kê về việc hợp pháp hóa các công việc không được khai báo và khai báo thiếu, cũng như việc hợp pháp hóa các hợp đồng lao động bất hợp pháp.

Ở Peru, cơ quan thanh tra có dữ liệu về việc hợp pháp hóa những người lao động không khai báo.

### 3.3. Các chỉ số dựa trên tỉ lệ thâm nhập

Các chỉ số này cung cấp thông tin liên quan đến mức độ can thiệp của cơ quan thanh tra theo ngành, vùng, vấn đề, loại hình hoặc tính chất của nơi làm việc hoặc đơn vị sản xuất, v.v.

Như đã đề cập trước đó, hầu hết tất cả các quốc gia đều có tiềm năng thu được các chỉ số về tỉ lệ thâm nhập bằng cách tham chiếu chéo dữ liệu chỉ số hoạt động với số liệu thống kê được công bố về doanh nghiệp, nơi làm việc và đơn vị sản xuất.

Tuy nhiên, để thông tin trở nên đáng tin cậy, cần phải tinh chỉnh dữ liệu và đảm bảo rằng các mục giống nhau (cùng một hành động ở cùng một nơi làm việc) không bị đếm nhiều lần.

Thông thường, các chỉ số này chỉ được tính toán cho mục đích lập kế hoạch.

Bảng 8 trình bày kết quả liên quan đến các loại tỉ lệ thâm nhập khác nhau như sau:

► Bảng 8 – Các chỉ số tác động dựa trên tỉ lệ thâm nhập

|                   |    | NGƯỜI LAO ĐỘNG<br>HOẶC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT<br>BỊ ẢNH HƯỞNG |                            | XÂM NHẬP THEO<br>NGÀNH, VÙNG, V.V...  | CÁC CHỈ SỐ<br>THÂM NHẬP KHÁC          |
|-------------------|----|--------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Châu Phi          | ZA | Không                                                  |                            | Không                                 | Không                                 |
|                   | TN | Không                                                  |                            | Không                                 | Không                                 |
| Châu Á            | KR | Có                                                     |                            | Có thể sử dụng                        | Không                                 |
|                   | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR                      | Có<br>Không<br>Có<br>Không | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR     | Có<br>Không<br>Không<br>Không         |
|                   | PH | Không                                                  |                            | Không                                 | Không                                 |
| Châu Âu           | DK | Không                                                  |                            | Không                                 | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch |
|                   | ES | Không                                                  |                            | Không                                 | Có thể sử dụng                        |
|                   | FR | Có                                                     |                            | Có                                    | Không                                 |
|                   | MT | Không                                                  |                            | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch | Không                                 |
|                   | PL | Có                                                     |                            | Có thể sử dụng                        | Không                                 |
|                   | SW | Không                                                  |                            | Có                                    | Không                                 |
|                   | UK | Không                                                  |                            | Có thể sử dụng                        | Có                                    |
| Châu Mỹ           | CO | Có                                                     |                            | Có                                    | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch |
|                   | CL | Không                                                  |                            | Không                                 | Không                                 |
|                   | PE | Có                                                     |                            | Có                                    | Có                                    |
|                   | UY | Không                                                  |                            | Có                                    | Có thể sử dụng                        |
| Châu Đại<br>Dương | AU | Có                                                     |                            | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch | Không                                 |
|                   | NZ | Không                                                  |                            | Không                                 | Không                                 |

Dưới đây là một số ví dụ:

Tại Peru, mục tiêu thanh tra được đặt ra theo khu vực địa lý của các cơ quan thanh tra khu vực và được thực hiện theo vùng. Hoạt động thanh tra được thực hiện theo lĩnh vực kinh tế ưu tiên (ví dụ xây dựng, vận tải, đánh bắt cá, v.v.). Ngoài ra còn có thông tin về loại hình doanh nghiệp được thanh tra, vi mô, nhỏ, vừa hay lớn.

Ở Vương quốc Anh, cơ quan quản lý An toàn và Sức khỏe (HSE) không thường xuyên tính toán tỉ lệ thâm nhập thanh tra, mặc dù đôi khi họ sử dụng chỉ số này nếu cần thiết cho một lý do nào đó (ví dụ: chương trình can thiệp gần đây của họ nhằm đảm bảo với công chúng rằng các trường học đang thực hiện phù hợp các hướng dẫn của chính phủ về giảm lây truyền COVID-19, bao gồm các biện pháp can thiệp thực hiện ở một tỉ lệ nhất định các trường học trên toàn quốc). HSE hoạt động (trong các ngành công nghiệp có nguy cơ không lớn) trong môi trường làm việc có mục tiêu và liên quan tới trí tuệ. Điều này đòi hỏi họ phải ưu tiên các nguồn lực pháp lý cho các lĩnh vực có rủi ro cao hơn, xác định bằng cách phân tích dữ liệu và nghiên cứu liên quan đến ngành.

# ▶ 4.



## ► 4. CÁC CHỈ SỐ HIỆU SUẤT

---

Theo Hướng dẫn của ILO, các chỉ số này nhằm mục đích đánh giá tính hiệu quả của cơ quan thanh tra lao động liên quan đến nguồn nhân lực được triển khai và tốc độ đạt được các mục tiêu mong muốn. Những số liệu thống kê này cũng nhằm cung cấp thông tin về chất lượng tổng thể của hoạt động thanh tra lao động.

Các chỉ số hiệu suất cũng có thể được phân loại thành nhiều nhóm: nhóm các chỉ số chung về hiệu suất (3.1); nhóm các chỉ số liên quan đến các chiến dịch có mục tiêu (3.2); nhóm các chỉ số liên quan đến cuộc thanh tra (3.4); và nhóm các chỉ số khác (3.5).

### 4.1. Các chỉ số hiệu suất chung

Các chỉ số hiệu suất chung liên quan đến tỉ lệ giữa nhu cầu công việc thanh tra (thường là từ khiếu nại hoặc yêu cầu chính thức) và công việc đã được thực hiện và tỉ lệ giữa các hành động động thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất.

Liên quan tới tỉ lệ giữa nhu cầu công việc và công việc thực tế được thực hiện, chỉ có 6 quốc gia có thu thập dữ liệu này. Sáu quốc gia này cũng cho biết chỉ số này chỉ được sử dụng nội bộ cho mục đích lập kế hoạch.

Các quốc gia định nghĩa nhu cầu công việc khác nhau, và do đó việc so sánh trên khía cạnh này không dễ dàng.

Mặc dù hầu hết các quốc gia trả lời khảo sát đều biết hoặc có thể định lượng số lượng các hành động thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất đã được thực hiện, như đã thảo luận trong mục 2.2., tỉ lệ giữa số hành động thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất chỉ được sử dụng ở 13 quốc gia.

Chỉ số này có thể phù hợp để đo lường mức độ tự chủ của cơ quan thanh tra, tức là mức độ công việc của một cơ quan thanh tra phụ thuộc vào chương trình hành động của chính cơ quan đó và mức độ khối lượng công việc phát sinh bởi kiến nghị hoặc yêu cầu từ bên ngoài, và từ việc điều tra khiếu nại, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

► Bảng 9 – Các chỉ số hiệu suất chung

|                |    | TỈ LỆ NHU CẦU – CÔNG VIỆC          | TỈ LỆ THEO KẾ HOẠCH – ĐỘT XUẤT |
|----------------|----|------------------------------------|--------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Không                              | Có                             |
|                | TN | Không                              | Không                          |
| Châu Á         | KR | Có                                 | Có                             |
|                | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR  | Có<br>Không<br>Không<br>Không  |
|                | PH | Có thể sử dụng                     | Có                             |
| Châu Âu        | DK | Chỉ dành cho mục đích lập kế hoạch | Không                          |
|                | ES | Có <sup>35</sup>                   | Không                          |
|                | FR | Không                              | Có                             |
|                | MT | Có thể sử dụng                     | Có                             |
|                | PL | Có <sup>36</sup>                   | Có                             |
|                | PT | Có <sup>37</sup>                   | Có                             |
|                | SW | Có                                 | Có                             |
|                | UK | Có thể sử dụng <sup>38</sup>       | Có <sup>39</sup>               |
| Châu Mỹ        | CO | Có thể sử dụng <sup>40</sup>       | Không                          |
|                | CL | T.I.C.                             | Có                             |
|                | PE | Có thể sử dụng                     | Có                             |
|                | UY | Có thể sử dụng                     | Có                             |
| Châu Đại Dương | AU | Có thể sử dụng                     | Có                             |
|                | NZ | Có thể sử dụng                     | Có                             |

## 4.2. Các chỉ số hiệu suất liên quan đến cuộc thanh tra

Các chỉ số hiệu suất cũng có thể liên quan đến các khía cạnh của các cuộc thanh tra, ví dụ như thời gian phản hồi tính từ khi nhận được yêu cầu hoặc khiếu nại (trong trường hợp hành động thanh tra đột xuất) đến khi thực hiện cuộc thanh tra, hoặc thời gian mà thanh tra viên dành cho mỗi cuộc thanh tra và nguồn nhân lực cơ quan thanh tra sử dụng cho những hành động này.

Bảng 10 trình bày các phản hồi khác nhau về các chỉ số hiệu suất liên quan đến các cuộc thanh tra:

35 Chỉ liên quan đến khiếu nại.

36 Dữ liệu về khiếu nại và điều tra tai nạn.

37 Liên quan đến khiếu nại đã được điều tra và khiếu nại không được giải quyết.

38 Các khiếu nại đã được ghi nhận (đã điều tra, giải quyết qua điện thoại...) nhưng không có thống kê.

39 Tỷ lệ thời gian thực hiện các trường hợp theo kế hoạch so với thời gian thực hiện các trường hợp đột xuất được báo cáo.

40 Đánh giá định kỳ các cuộc điều tra đang diễn ra.

► Bảng 10 – Các chỉ số hiệu suất liên quan đến các cuộc thanh tra

|                |    | THỜI GIAN PHẢN HỒI<br>CỦA CUỘC THANH TRA         | THỜI GIAN SỬ DỤNG<br>CHO VIỆC THANH TRA             | PHÂN BỐ<br>NGUỒN NHÂN LỰC                           |
|----------------|----|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Không                                            | Không                                               | Không                                               |
|                | TN | Không                                            | Không                                               | Không                                               |
| Châu Á         | KR | Có                                               | Có/ Không đối với ATSKNN                            | Có/ Không đối với ATSKNN                            |
|                | MY | DOSH Có<br>DOLPM Có<br>DOLSAB Có<br>DOLSAR Không | DOSH Có<br>DOLPM Không<br>DOLSAB Có<br>DOLSAR Không | DOSH Có<br>DOLPM Không<br>DOLSAB Có<br>DOLSAR Không |
|                | PH | Có thể sử dụng                                   | Không                                               | Có/ Không đối với ATSKNN                            |
| Châu Âu        | DK | Có thể sử dụng                                   | Có                                                  | Có thể sử dụng <sup>41</sup>                        |
|                | ES | Không                                            | Không                                               | Có thể sử dụng                                      |
|                | FR | Có                                               | Không                                               | Có thể sử dụng                                      |
|                | MT | Không                                            | Không                                               | Không <sup>42</sup>                                 |
|                | PL | Có <sup>43</sup>                                 | Có                                                  | Không <sup>44</sup>                                 |
|                | SW | Có                                               | Có                                                  | Không                                               |
|                | UK | Không                                            | Có thể sử dụng                                      | Có                                                  |
| Châu Mỹ        | CO | Có thể sử dụng                                   | Có thể sử dụng <sup>45</sup>                        | Chỉ dành cho mục đích lập kế hoạch                  |
|                | CL | Có                                               | Không                                               | Không                                               |
|                | PE | Có                                               | Có                                                  | Có                                                  |
|                | UY | Không                                            | Không                                               | Không                                               |
| Châu Đại Dương | AU | Có                                               | Không                                               | Không                                               |
|                | NZ | Có                                               | Có thể sử dụng                                      | Có                                                  |

<sup>41</sup> Thông tin này sẽ có sẵn.

<sup>42</sup> Theo quy định, cần có hai cán bộ ATSKNN cho mỗi cuộc thanh tra.

<sup>43</sup> Một số khía cạnh bao gồm: tổng thời gian, thời gian tiến hành thanh tra, thời gian thực hiện các biện pháp.

<sup>44</sup> Số lượng thanh tra viên trung bình cho một cuộc thanh tra, số lượng cuộc thanh tra trung bình trên một thanh tra viên và số lượng đơn vị được thanh tra trung bình trên một thanh tra viên.

<sup>45</sup> Liên quan đến mã thủ tục hành chính.

## a) Về thời gian phản hồi của các cuộc thanh tra

9 cơ quan thanh tra có dữ liệu về thời gian phản hồi của các cuộc thanh tra, tức là khoảng thời gian trôi qua kể từ khi cơ quan thanh tra nhận được khiếu nại cho đến ngày thanh tra viên đến thanh tra nơi làm việc. Trong một số trường hợp, thời gian phản hồi tối đa được xác lập theo quy định nội bộ. Dưới đây là một số ví dụ:

Ở Đan Mạch, cơ quan quản lý về Môi trường Làm việc (DWEA) có số liệu thống kê về thời gian phản hồi theo những trường hợp nhất định. Các khiếu nại về môi trường làm việc được giải quyết theo đánh giá cụ thể, phân loại doanh nghiệp để thanh tra. Khiếu nại liên quan đến những mối nguy hiểm cấp bách sẽ luôn dẫn đến việc thực hiện thanh tra ngay lập tức. Tai nạn khẩn cấp, tức là tai nạn nghiêm trọng, phải được điều tra ngay lập tức, vào bất kỳ ngày nào trong tuần, trong suốt 24 giờ. Theo quy định, những vụ tai nạn không được điều tra ngay lập tức phải được điều tra trong vòng ba tháng.

Tại Colombia, hệ thống thông tin IVC – SISINFO quản lý thời gian dùng trong điều tra hành chính, sau khi một thủ tục điều tra ban đầu và thủ tục xử phạt hành chính được công bố trên hệ thống quản lý tích hợp của họ – GIS. Có thể xác định khoảng thời gian từ khi giao vụ việc cho thanh tra viên đến ngày diễn ra cuộc điều tra bằng cách tham khảo dữ liệu đã đăng ký trên hệ thống (miễn là cuộc thanh tra được ghi lại trong mô-đun kiểm tra).

Một số quốc gia chỉ ra rằng phản hồi của cơ quan thanh tra đối với các khiếu nại không phải lúc nào cũng là cuộc thanh tra, mà có lúc chỉ là trả lời các thắc mắc hoặc đáp ứng các yêu cầu cung cấp thông tin về thủ tục tố tụng hoặc quy định pháp luật.

Chỉ số về thời gian phản hồi trung bình của các cuộc thanh tra có thể hữu ích để xác định mức độ cơ quan thanh tra đáp ứng các yêu cầu đó, trong khi chỉ số về thời gian phản hồi trung bình cho các truy vấn có thể hữu ích trong việc xác định mức độ cơ quan thanh tra đáp ứng các yêu cầu về thông tin từ người dân.

## b) Về thời gian thực hiện hành động thanh tra

Một số quốc gia ghi lại số liệu thống kê về thời gian để thực hiện các hành động thanh tra, thường bao gồm cuộc thanh tra tại nơi làm việc. Dưới đây là một số ví dụ:

Tại Đan Mạch, số liệu thống kê của cơ quan Môi trường Làm việc (DWEA) bao gồm các báo cáo hàng tháng về:

- thời gian thanh tra được hiểu là thời gian thực hiện thanh tra nơi làm việc
- thời gian thanh tra trung bình tính trên một thanh tra viên
- thời gian trung bình để chuẩn bị và báo cáo tính trên một thanh tra viên
- thời gian đi lại trung bình tính trên một thanh tra viên
- thời gian trung bình cho mỗi quyết định
- thời gian trung bình để chuẩn bị và báo cáo cho mỗi quyết định
- số hành động thanh tra trung bình trên một thanh tra viên trong thời gian thanh tra để đảm bảo kết quả đạt yêu cầu

Trong năm 2021, DWEA dự kiến sẽ tính toán thời gian thanh tra dành cho nhiều loại hình giám sát khác nhau. DWEA đặt ra các chỉ tiêu liên quan như sau:

- số giờ thanh tra trung bình trên một thanh tra viên
- tổng số giờ thanh tra của DWEA để chống lại việc quyền lợi của NLD bị cắt giảm
- tổng số cuộc thanh tra

Ở Ba Lan, hệ thống hồ sơ của cơ quan thanh tra cho biết khoảng thời gian thanh tra, thời gian xem xét khiếu nại và cách thức xem xét (kết quả). Số liệu thống kê cũng cho thấy ngày tiến hành các hoạt động thanh tra tại một nơi làm việc nhất định, thời gian (ngày) mà NSDLĐ hoàn thành các nghĩa vụ được đặt ra và thời điểm các quyết định pháp lý được ban hành.

Số liệu thống kê cũng bao gồm thời gian thực hiện các hành động thanh tra. Có thể phân loại các hành động thanh tra theo thời lượng thanh tra tại nơi làm việc và tại văn phòng cơ quan Thanh tra Lao động Quốc gia, và theo thời lượng của các hoạt động khác liên quan đến thanh tra (ví dụ: chuẩn bị quyết định, điền biểu mẫu thanh tra, v.v.).

### c) Về nhân lực cho hoạt động thanh tra

Sáu quốc gia có hồ sơ về thông số này, được thể hiện theo những cách khác nhau.

Tại Ba Lan, số liệu thống kê bao gồm số thanh tra viên trung bình cho một cuộc thanh tra, số lượng cuộc thanh tra trung bình của một thanh tra viên và số lượng nơi làm việc trung bình trên mỗi thanh tra viên lao động.

Tại Colombia, bộ phận nhân sự ước tính số lượng thanh tra viên đang làm việc ở mỗi khu vực để từ đó đặt ra chỉ tiêu về các hành động thanh tra phù hợp theo chuyên môn của thanh tra viên (tiêu chuẩn lao động hoặc rủi ro lao động).

Tại Chile, thời gian cho toàn bộ quá trình thanh tra được đo lường và ghi lại.

## 4.3. Chỉ số hiệu suất cho các chiến dịch thanh tra có mục tiêu

Các chỉ số hiệu suất đóng vai trò quan trọng trong các chiến dịch thanh tra. Chúng thường được thiết lập cùng với các mục tiêu của chiến dịch trước khi chiến dịch được triển khai. Sau khi chiến dịch kết thúc, các chỉ số này có thể được sử dụng để đo lường mức độ đạt được mục tiêu của chiến dịch.

Bảng 11 thể hiện phản hồi của các cơ quan thanh tra:

► Bảng 11 - Các chỉ số cho các chiến dịch thanh tra có mục tiêu

|                |    | CÁC CHỈ SỐ CỤ THỂ CHO CHIẾN DỊCH THANH TRA CÓ MỤC TIÊU |
|----------------|----|--------------------------------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Không                                                  |
|                | TN | Không                                                  |
| Châu Á         | JP | Không                                                  |
|                | KR | Có                                                     |
|                | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR                      |
|                |    | Có<br>Không<br>Không<br>Có                             |
|                | PH | Có <sup>46</sup>                                       |
| Châu Âu        | DK | Có                                                     |
|                | ES | Có                                                     |
|                | FR | Có                                                     |
|                | MT | Có                                                     |
|                | PL | Có                                                     |
|                | PT | Có                                                     |
|                | SW | Không                                                  |
|                | UK | Có                                                     |
| Châu Mỹ        | CO | Chỉ dành cho mục đích lập kế hoạch                     |
|                | CL | Có                                                     |
|                | PE | Có                                                     |
|                | UY | Có                                                     |
| Châu Đại Dương | AU | Có                                                     |
|                | NZ | Có                                                     |

Dưới đây là một số ví dụ:

Tại Đan Mạch, cơ quan quản lý Môi trường Làm việc (DWEA) tiến hành thanh tra theo định hướng ngành, tập trung vào các vấn đề được lựa chọn liên quan đến môi trường làm việc. Khi đó, các chỉ số/mục tiêu báo cáo “hiệu suất nguồn lực” (tức là số giờ thanh tra) liên quan đến vấn đề được quan tâm thường sẽ được sử dụng.

46 Tỷ lệ tuân thủ.

47 Dữ liệu tuân thủ nhằm cung cấp dấu hiệu về tác động của các chương trình can thiệp cùng với các chỉ số khác.

Tại Tây Ban Nha, khi thực hiện chiến dịch về những vấn đề cụ thể, dữ liệu cho các chỉ số liên quan trực tiếp đến các vấn đề đó được thu thập, chẳng hạn như số lượng người lao động được hợp pháp hóa trong các chiến dịch chống gian lận, vấn đề hợp đồng hoặc gia hạn được xử lý, với dữ liệu phân tách theo giới tính. Các số liệu này có thể giúp đánh giá hiệu quả của hoạt động thanh tra hàng năm, và theo chiến dịch, ngành và loại vi phạm được phát hiện. Kết quả bao gồm so sánh với dữ liệu của năm trước đó, qua đó cung cấp bằng chứng về sự thành công của chiến dịch mới và cho phép cơ quan thanh tra điều chỉnh việc lập kế hoạch cho các hoạt động thanh tra trong tương lai.

Tại Pháp, cơ quan thanh tra lao động đã xây dựng kế hoạch với các chỉ số phù hợp cho mỗi chiến dịch. Mục đích, mục tiêu cũng như loại hành động mà thanh tra viên sẽ thực hiện đều được xác định trước khi phát động chiến dịch. Các chỉ số phổ biến nhất là số lượng doanh nghiệp hoặc nơi làm việc được giám sát, số cuộc thanh tra và số lượng các quyết định liên quan đến vi phạm và không liên quan đến vi phạm (đặc biệt là quyết định ngừng hoạt động, NLD bị ảnh hưởng cũng như các hoạt động thông tin và đào tạo).

Ở Vương quốc Anh, dữ liệu tuân thủ được sử dụng để đo lường một chỉ số về tác động của các chương trình can thiệp, cùng với tỉ lệ tai nạn/sự cố và dữ liệu định tính, chẳng hạn như phản hồi từ các bên liên quan và thanh tra viên. Họ theo dõi mức độ tương tác với các hoạt động truyền thông của mình bằng cách định lượng số lượt truy cập trang web và lượt tweet lại trên Twitter các thông báo của chiến dịch thanh tra.

Ở Malta, mỗi thanh tra viên có một tập hợp các nhiệm vụ dự kiến phải hoàn thành và cơ quan thanh tra sẽ định lượng số nhiệm vụ thực tế đã thực hiện. Việc so sánh được thực hiện giữa các thanh tra viên và điều này cung cấp một thước đo sơ bộ về hiệu suất công việc. Trong các chiến dịch thanh tra, cán bộ cơ quan thanh tra tập trung vào các thông số đã được xác định trước (không bỏ qua các tình huống khác mà họ có thể nhận thấy). Như vậy, có thể nói rằng hoạt động của thanh tra viên được điều chỉnh phù hợp với vấn đề cụ thể đang được thanh tra hoặc theo ngành liên quan.

## 4.4. Các chỉ số hiệu suất khác

Một số quốc gia sử dụng các chỉ số hiệu suất khác. Dưới đây là một số ví dụ:

Cơ quan Thanh tra Y tế Lao động của Tunisia sử dụng các chỉ số đo lường mức độ bao phủ bệnh hay thương tích nghề nghiệp và mức tăng định kỳ của nó.

Ở Hàn Quốc, cơ quan thanh tra sử dụng các chỉ số về tỉ lệ giải quyết và tỉ lệ giảm thời gian xử lý các trường hợp vi phạm được báo cáo.

Ở Phillipines, cơ quan thanh tra sử dụng các chỉ số về tỉ lệ thực thi và tỉ lệ hài lòng.

Các chỉ số kết quả được thiết lập để đánh giá hiệu quả và hiệu suất của các cuộc thanh tra. Tỉ lệ tuân thủ liên quan đến các tiêu chuẩn lao động chung và ATSKNN là một số chỉ số được tính đến trong chương trình thanh tra của Bộ Lao động.

Ở Đan Mạch, cơ quan thanh tra sử dụng các chỉ số về các quyết định bị kháng cáo được hủy bỏ, khiếu nại về các quyết định và mức độ hài lòng của người sử dụng đối với hoạt động giám sát và kiểm toán nội bộ.

Ở Ba Lan sử dụng các chỉ số và số liệu thống kê dựa trên ngân sách về việc thực hiện các biện pháp pháp lý được ban hành.

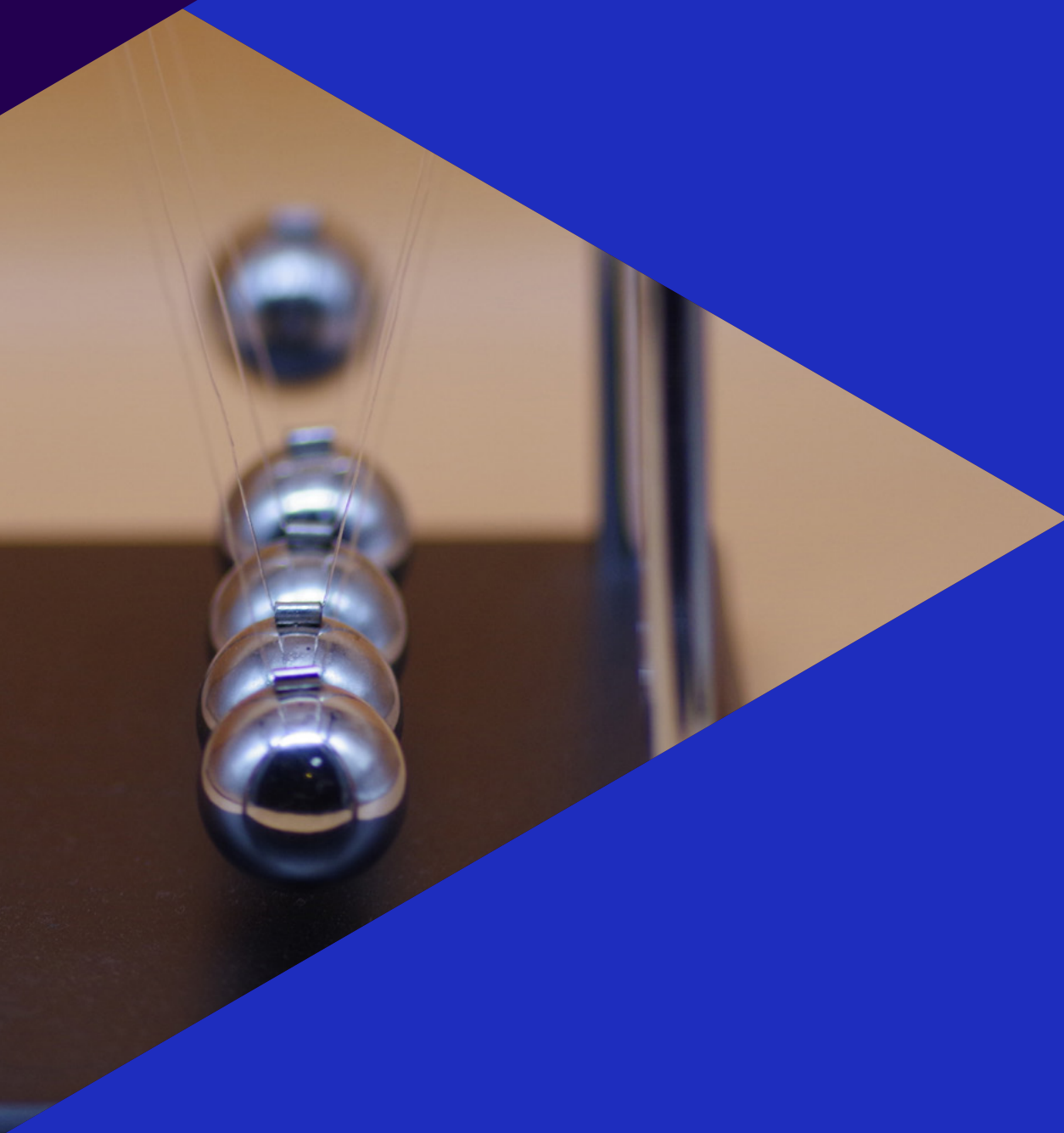
Ở Thụy Điển, cơ quan thanh tra sử dụng các chỉ số năng suất nội bộ liên quan đến số ngày làm việc của mỗi thanh tra viên (165 ngày mỗi năm phải dành cho các cuộc thanh tra).

Ở Vương quốc Anh, cơ quan thanh tra giám sát tỉ lệ các cuộc thanh tra dẫn đến việc thực hiện hành động thực thi. Điều này cho phép cơ quan thanh tra nhằm mục tiêu vào các ngành có mức tuân thủ thấp.

Tại Peru, cơ quan thanh tra lưu giữ hồ sơ về số lượng nơi làm việc và doanh nghiệp được thanh tra hoặc được bao gồm trong các hành động khác, số lượng NLD bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thanh tra và số lượng NLD có tư cách chính thức hoặc được đăng ký nhờ kết quả của các hành động thanh tra.

Tại New Zealand, cơ quan thanh tra đánh giá từng trường hợp để đảm bảo rằng trường hợp đó phù hợp với chiến lược của họ và rằng họ đang nhắm tới các vấn đề mang tính hệ thống mà sẽ đem lại kết quả tốt nhất so với mức đầu tư.

# ▶ 5.



## ► 5. CÁC CHỈ SỐ TÁC ĐỘNG

---

Như Hướng dẫn của ILO nêu rõ, vô cùng khó để định lượng tác động của công việc thanh tra lao động đối với toàn bộ người lao động, nhưng điều quan trọng là nên cố gắng đưa ra một vài phương pháp đại diện để đo lường khía cạnh này. Trên thực tế, tin tưởng rằng công việc của mình có tác động tích cực đến chất lượng cuộc sống của NLĐ là một phần quan trọng trong động lực làm việc của thanh tra viên.

Các chỉ số tác động nhằm đo lường ảnh hưởng gián tiếp của các hành động thanh tra bên ngoài các tác động trực tiếp và ngay tức khắc. Điều này có nghĩa là đo lường tác động gián tiếp đến NLĐ làm việc trong cùng doanh nghiệp nhưng không phải những người ở nơi làm việc hoặc đơn vị sản xuất được thanh tra, cũng như đo lường tác động gián tiếp tới các doanh nghiệp khác và tác động tổng thể của hoạt động thanh tra đối với xã hội nói chung.

Do vậy, các chỉ số tác động được phân thành hai nhóm: những chỉ số liên quan đến một hành động thanh tra đơn lẻ và những chỉ số tác động đến việc tuân thủ ở cấp khu vực hoặc quốc gia.

### 5.1. Các chỉ số tác động bắt nguồn từ một hành động thanh tra đơn lẻ

Nhóm chỉ số này quan tâm tới tác động của một hành động thanh tra đơn lẻ đối với một doanh nghiệp, đơn vị sản xuất hoặc nơi làm việc mà không phải đối tượng đích ban đầu.

Theo Hướng dẫn của ILO, các chỉ số này đề cập đến tác động hoặc ảnh hưởng gián tiếp của một hành động thanh tra lao động đơn lẻ tới những NLĐ không phải là những người bị ảnh hưởng trực tiếp.

Loại chỉ số này cũng có thể liên quan đến các hành vi vi phạm tái diễn của cùng một NSDLĐ sau hoạt động thanh tra trước đó, một cách để biết tác động gián tiếp của hành động thanh tra đó.

Bảng 12 cho thấy phản hồi của các cơ quan thanh tra tham gia nghiên cứu về những chỉ số tác động này:

► Bảng 12 – Các chỉ số tác động của các hành động thanh tra đơn lẻ

|                   |    | HÀNH ĐỘNG THANH TRA ĐƠN LẺ<br>DẪN ĐẾN CẢI TIẾN | TÁI DIỄN<br>VI PHẠM                   |
|-------------------|----|------------------------------------------------|---------------------------------------|
| Châu Phi          | ZA | Không                                          | Có                                    |
|                   | TN | Không                                          | Không                                 |
| Châu Á            | KR | Có                                             | Không                                 |
|                   | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR              | Không<br>Không<br>Không<br>Không      |
|                   | PH | Không                                          | Có thể sử dụng                        |
| Châu Âu           | DK | Không                                          | Không                                 |
|                   | ES | Không                                          | Có                                    |
|                   | FR | Không                                          | Không                                 |
|                   | MT | Không                                          | Có thể sử dụng                        |
|                   | PL | Có                                             | Có                                    |
|                   | PT | Không                                          | Có                                    |
|                   | SW | Không                                          | Có                                    |
|                   | UK | Không                                          | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch |
| Châu Mỹ           | CO | Không                                          | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch |
|                   | CL | Có                                             | Không                                 |
|                   | PE | Có                                             | Có                                    |
|                   | UY | Không                                          | Có                                    |
| Châu Đại<br>Dương | AU | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch          | Có                                    |
|                   | NZ | Không                                          | Không                                 |

Dữ liệu cho thấy chỉ có 4 quốc gia sử dụng số lượng NLD bị ảnh hưởng gián tiếp bởi một hành động thanh tra đơn lẻ làm chỉ số, trong khi 9 quốc gia sử dụng các chỉ số liên quan đến vi phạm tái diễn sau hành động thanh tra.

Về chỉ số đầu tiên, các cơ quan thanh tra thường lưu giữ hồ sơ về những cải tiến rất có thể do hành động thanh tra và đã được xác minh trong các lần kiểm tra tiếp theo. Tuy nhiên, nhiều cơ quan thanh tra không phân biệt được giữa ảnh hưởng trực tiếp tới những NLD mà hành động thanh tra hướng đến, và ảnh hưởng gián tiếp (tác động) về mặt các cải thiện đối với những NLD khác.

Dưới đây là một ví dụ về các thực hành tốt rút ra từ nghiên cứu này:

Ở Ba Lan, các thanh tra viên sử dụng một khái niệm gọi là “kết luận phòng ngừa”, qua đó họ thu hút sự chú ý đến một hành vi vi phạm cụ thể mà có thể ảnh hưởng đến những NLĐ khác làm việc trong cùng doanh nghiệp hoặc thậm chí là tất cả NLĐ của doanh nghiệp đó.

Khi liên quan đến chỉ số thứ hai và cách sử dụng nó, nhiều cơ quan thanh tra lưu trữ hồ sơ về các hành vi vi phạm nhiều lần, nhưng họ chỉ sử dụng chúng cho mục đích lập kế hoạch hoặc để đo lường mức độ vi phạm tái diễn dưới bất kỳ hình thức nào trên toàn quốc (như được ghi chú dưới đây trong Phần 4.2 d).

## 5.2. Các chỉ số tác động liên quan đến việc tuân thủ

Cuối cùng, các chỉ số tác động liên quan đến việc tuân thủ nhằm đo lường tác động chung của hoạt động thanh tra lao động đối với việc tuân thủ pháp luật lao động.

### a) Các chỉ số tác động dựa trên số lượng khiếu nại

Số lượng khiếu nại nhận được có thể được sử dụng như một chỉ báo về mức độ tuân thủ pháp luật lao động trong những vấn đề cụ thể, như Bảng 13 cho thấy:

► Bảng 13 – Chỉ số tác động dựa trên số lượng khiếu nại

|          |    | DỰA TRÊN SỐ LƯỢNG<br>KHIẾU NẠI                               |
|----------|----|--------------------------------------------------------------|
| Châu Phi | ZA | Có                                                           |
|          | TN | Không                                                        |
| Châu Á   | KR | Có                                                           |
|          | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR<br>Có<br>Có<br>Không<br>Có |
|          | PH | Không                                                        |
| Châu Âu  | DK | Không                                                        |
|          | ES | Có                                                           |
|          | FR | Không                                                        |
|          | MT | Không                                                        |
|          | PL | Có                                                           |
|          | PT | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch                        |
|          | SW | Có                                                           |
|          | UK | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch                        |

| (TIẾP)            |    | DỰA TRÊN SỐ LƯỢNG<br>KHIẾU NẠI |
|-------------------|----|--------------------------------|
| Châu Mỹ           | CO | Có                             |
|                   | CL | Có thể sử dụng                 |
|                   | PE | Có                             |
|                   | UY | Không                          |
| Châu Đại<br>Dương | AU | Có                             |
|                   | NZ | Có                             |

9 quốc gia sử dụng chỉ số về số lượng khiếu nại trong các vấn đề cụ thể. Một số chỉ sử dụng cho mục đích lập kế hoạch hoặc khi cân nhắc các biện pháp can thiệp chủ động (Vương Quốc Anh).

Ở Hàn Quốc, cơ quan thanh tra sử dụng các chỉ số về mức độ cải thiện đối với các sai phạm nhờ các khiếu nại.

Việc sử dụng số liệu thống kê về khiếu nại có thể bị hạn chế bởi luật bảo vệ dữ liệu, đặc biệt khi người khiếu nại có khả năng bị nhận diện. Vì lý do này, nhiều cơ quan thanh tra không công bố dữ liệu liên quan tới khiếu nại với công chúng.

## b) Các chỉ số tác động dựa trên mức độ tuân thủ và không tuân thủ được thanh tra lao động xác minh

Mức độ tuân thủ và không tuân thủ có thể được áp dụng để đo lường tác động của các hoạt động thanh tra lao động. Bảng 14 cho thấy những quốc gia sử dụng chỉ số này.

► Bảng 14 – Mức độ tuân thủ và không tuân thủ

|                |    | MỨC ĐỘ TUÂN THỦ VÀ KHÔNG TUÂN THỦ |
|----------------|----|-----------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Có                                |
|                | TN | Không/Có                          |
| Châu Á         | JP | Có                                |
|                | KR | Có                                |
|                | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR |
|                |    | Có<br>Có<br>Không<br>Có           |
|                | PH | Không                             |
| Châu Âu        | DK | Có                                |
|                | ES | Có thể sử dụng                    |
|                | FR | Không                             |
|                | MT | Không                             |
|                | PL | Có                                |
|                | PT | Có thể sử dụng                    |
|                | SW | Có                                |
|                | UK | Có                                |
| Châu Mỹ        | CO | Có                                |
|                | CL | Có thể sử dụng                    |
|                | PE | Có                                |
|                | UY | Không                             |
| Châu Đại Dương | AU | Có                                |
|                | NZ | Có                                |

Mức độ tuân thủ hoặc không tuân thủ do các hoạt động thanh tra lao động có thể được sử dụng khi mà trước đó đã thu thập có chủ đích thông tin này thông qua các cuộc thanh tra. Trong mọi trường hợp, cần lưu ý rằng hoạt động thanh tra thường nhằm vào các doanh nghiệp để có khả năng vi phạm nhất.

Như đã trình bày trong các phần trước, nhiều cơ quan thanh tra phân loại dữ liệu theo hai nhóm là các hành động thanh tra liên quan đến vi phạm và không liên quan đến vi phạm, nhưng các hành động không liên quan đến vi phạm thường chỉ có nghĩa là các hoạt động cung cấp thông tin hay chiến dịch truyền thông.

### c) Các chỉ số tác động dựa trên tỉ lệ tai nạn lao động

Dữ liệu về tỉ lệ tai nạn lao động thường được sử dụng như một chỉ báo về tình trạng an toàn, sức khỏe nghề nghiệp ở cấp quốc gia, ngành hoặc thậm chí cấp doanh nghiệp.

Cơ quan thanh tra có thể đo lường tác động của công việc của mình bằng cách so sánh tỉ lệ tai nạn lao động trung bình với tỉ lệ tai nạn lao động ở các doanh nghiệp mà mình có can thiệp. Bảng 15 cho biết những quốc gia nào trong số các quốc gia tham gia nghiên cứu sử dụng dữ liệu này.

► Bảng 15 – Chỉ số tác động dựa trên tỉ lệ tai nạn lao động

|          |    | CHỈ SỐ TÁC ĐỘNG DỰA TRÊN<br>TỈ LỆ TAI NẠN LAO ĐỘNG |
|----------|----|----------------------------------------------------|
| Châu Phi | ZA | Không                                              |
|          | TN | Không                                              |
| Châu Á   | KR | Có                                                 |
|          | MY | DOSH Có                                            |
|          | PH | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch              |
| Châu Âu  | DK | Có                                                 |
|          | ES | Không                                              |
|          | FR | Không                                              |
|          | MT | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch              |
|          | PL | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch              |
|          | PT | Có                                                 |
|          | SW | Không                                              |
|          | UK | Chỉ dành cho mục đích<br>lập kế hoạch              |
| Châu Mỹ  | CO | Có                                                 |
|          | CL | Có thể sử dụng                                     |
|          | PE | Có thể sử dụng                                     |
|          | UY | Không                                              |
| Châu Mỹ  | AU | Không                                              |
|          | NZ | Không                                              |

Dữ liệu từ khảo sát cho thấy chỉ có 3 quốc gia sử dụng tỉ lệ tai nạn lao động làm chỉ số tác động.

Ở Hàn Quốc, cơ quan thanh tra sử dụng các chỉ số liên quan đến tỉ lệ giảm tai nạn lao động.

Hầu hết các quốc gia đều coi số vụ tai nạn lao động trong một khoảng thời gian nào đó là do các trường hợp ngẫu nhiên, do đó không thể quy cho hoạt động thanh tra được tiến hành trước hoặc trong cùng khoảng thời gian đó.

Vì lý do này, nhiều quốc gia tham gia khảo sát ưa thích sử dụng chỉ số này cho mục đích lập kế hoạch hoặc để có thêm thông tin cho các chiến lược can thiệp của mình.

#### d) Các chỉ số tác động dựa trên tỉ lệ tái diễn vi phạm

Tỉ lệ tái diễn các sai phạm về lao động nói chung cũng có thể được coi là một chỉ báo về tác động của các hoạt động thanh tra đối với toàn thể NLD.

► Bảng 16 – Chỉ số tác động dựa trên tỉ lệ tái diễn vi phạm

|                |    | TỈ LỆ TÁI DIỄN                                   |                               |
|----------------|----|--------------------------------------------------|-------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Không                                            |                               |
|                | TN | Không                                            |                               |
| Châu Á         | KR | Có                                               |                               |
|                | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR                | Có<br>Không<br>Không<br>Không |
|                | PH | Không                                            |                               |
| Châu Âu        | DK | Không                                            |                               |
|                | ES | Không                                            |                               |
|                | FR | Không                                            |                               |
|                | MT | Không                                            |                               |
|                | PL | Chỉ dành cho mục đích lập kế hoạch               |                               |
|                | PT | Có                                               |                               |
|                | SW | Không                                            |                               |
|                | UK | Chỉ dành cho mục đích <sup>48</sup> lập kế hoạch |                               |
| Châu Mỹ        | CO | Có                                               |                               |
|                | CL | Có thể sử dụng                                   |                               |
|                | PE | Có thể sử dụng                                   |                               |
|                | UY | Không                                            |                               |
| Châu Đại Dương | AU | Có                                               |                               |
|                | NZ | Không                                            |                               |

48 Ghi lại để lập kế hoạch. Cơ quan thanh tra so sánh tỉ lệ không tuân thủ và số liệu thống kê tai nạn lao động để đưa ra chỉ số chưa hoàn chỉnh về hiệu quả của các chương trình can thiệp.

Dưới đây là một số kinh nghiệm thực tế rút ra từ nghiên cứu:

Ở Ba Lan, cơ quan Thanh tra Lao động Quốc gia (NLI) có thể xác định các doanh nghiệp được coi là “người tái diễn sai phạm” bằng cách kiểm tra số lượng đơn khiếu nại về doanh nghiệp và nội dung trong đơn (các vấn đề nêu ra trong đơn khiếu nại gửi NLI). Khi khiếu nại là thông số được sử dụng để xác định những người vi phạm nhiều lần trong việc đánh giá tác động của hoạt động thanh tra, thì việc định lượng số lượng cuộc thanh tra là rất hữu ích, bao gồm cả những cuộc thanh tra được thực hiện do khiếu nại đối với NSDLĐ có liên quan trong một khoảng thời gian cụ thể.

Ở Peru, thông tin do hệ thống của các cơ quan thanh tra (SIIT) thu thập cho phép các cơ quan này lập danh sách những người vi phạm chính và tổ chức các cuộc họp với những người đó nhằm thúc đẩy văn hóa tuân thủ pháp luật lao động.

### e) Các chỉ số tác động dựa trên việc chính quy hóa

Có thể đo lường mức độ chính quy hóa của các doanh nghiệp không được thanh tra sau một chuỗi các hoạt động thanh tra, thường là một phần của chiến dịch thanh tra, để tìm hiểu thêm về tác động chung của các hoạt động này đối với một ngành, một vùng hoặc một loại hình doanh nghiệp hoặc nơi làm việc.

Đây có thể là trường hợp các chiến dịch thanh tra nhắm tới những đối tượng cụ thể với các mục đích hoặc mục tiêu có thể đo lường được, chẳng hạn như số lượng doanh nghiệp hoặc NLĐ đã đăng ký vì mục đích nào đó, ví dụ người sử dụng amiăng hoặc NLĐ được đưa đến từ các quốc gia khác.

Chỉ một số ít quốc gia sử dụng loại chỉ số này, và ngay cả khi đó, chỉ những hoạt động chính quy hóa diễn ra tại các doanh nghiệp hoặc nơi làm việc đã được thanh tra hoặc đến thanh tra mới được tính đến, không tính tác động ở những nơi làm việc không được thanh tra.

Ví dụ về việc sử dụng chỉ số tác động này bao gồm việc gia tăng số lượng đăng ký tham gia hệ thống an sinh xã hội ngay sau khi thực hiện một chiến dịch thanh tra trong một ngành hoặc vùng, hoặc tăng số lượng khai báo bệnh nghề nghiệp ngay sau khi chiến dịch thông tin, nâng cao nhận thức hoặc thanh tra về chủ đề này được thực hiện.

Bảng 17 trình bày câu trả lời của các quốc gia tham gia khảo sát. Tuy nhiên, như đã đề cập trước đó, dữ liệu chính quy hóa chỉ liên quan đến các doanh nghiệp hoặc nơi làm việc đã được thanh tra hoặc đến thanh tra.

► Bảng 17 – Chỉ số tác động dựa trên sự chính quy hóa

|                |    | CHÍNH QUY HÓA                      |                               |
|----------------|----|------------------------------------|-------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Không                              |                               |
|                | TN | Không/Có                           |                               |
| Châu Á         | KR | Có                                 |                               |
|                | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR  | Có<br>Không<br>Không<br>Không |
|                | PH | Không                              |                               |
| Châu Âu        | DK | Không                              |                               |
|                | ES | Có                                 |                               |
|                | FR | Không                              |                               |
|                | MT | Không                              |                               |
|                | PL | Chỉ dành cho mục đích lập kế hoạch |                               |
|                | PT | Có thể sử dụng                     |                               |
|                | SW | Không                              |                               |
|                | UK | Chỉ dành cho mục đích lập kế hoạch |                               |
| Châu Mỹ        | CO | Không                              |                               |
|                | CL | Không                              |                               |
|                | PE | Không                              |                               |
|                | UY | Không                              |                               |
| Châu Đại Dương | AU | Không                              |                               |
|                | NZ | Không                              |                               |

## f) Các chỉ số tác động dựa trên nhà thầu phụ

Một chỉ số tác động liên quan đến các nhà thầu phụ hoặc chuỗi cung ứng (ví dụ số lượng nhà thầu phụ tuân thủ một quy định pháp luật cụ thể sau khi doanh nghiệp - nhà thầu chính- của họ chịu sự can thiệp trực tiếp nào đó của cơ quan thanh tra) có thể cho thấy liệu các hoạt động thanh tra tác động đến nhà thầu chính có ảnh hưởng đến các doanh nghiệp phụ thuộc hay không.

Các nhà thầu chính thường đóng vai trò giám sát với các nhà thầu phụ và trong chuỗi cung ứng, và các cơ quan thanh tra có thể tận dụng điều này để mở rộng hoặc nhân rộng tác động của các hoạt động thanh tra (còn gọi là hiệu ứng xếp tầng).

Tuy nhiên, Bảng 18 cho thấy chỉ một số ít cơ quan thanh tra xem xét mối liên kết chặt chẽ này giữa nhà thầu và nhà thầu phụ khi đo lường tác động từ các hành động thanh tra.

► Bảng 18 – Chỉ số tác động dựa trên nhà thầu phụ

|                |    | HỢP ĐỒNG THẦU PHỤ                                                     |
|----------------|----|-----------------------------------------------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Không                                                                 |
|                | TN | Không                                                                 |
| Châu Á         | KR | Có                                                                    |
|                | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR<br>Không<br>Không<br>Không<br>Không |
|                | PH | Không                                                                 |
| Châu Âu        | DK | Không                                                                 |
|                | ES | Có                                                                    |
|                | FR | Không                                                                 |
|                | MT | Không                                                                 |
|                | PL | Không                                                                 |
|                | PT | Có thể sử dụng                                                        |
|                | SW | Không                                                                 |
|                | UK | Không                                                                 |
| Châu Mỹ        | CO | Không                                                                 |
|                | CL | Không                                                                 |
|                | PE | Không                                                                 |
|                | UY | Không                                                                 |
| Châu Đại Dương | AU | Có                                                                    |
|                | NZ | Không                                                                 |

### g) Các chỉ số tác động dựa trên khảo sát

Các chỉ số tác động cũng có thể được trích xuất từ các cuộc khảo sát thường xuyên với NSDLĐ và NLD.

Những khảo sát này có thể bao gồm tác động của các hoạt động thanh tra.

Tại Đan Mạch, khảo sát về môi trường làm việc của NLD và các hoạt động phòng ngừa của doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên. Cơ quan quản lý về Môi trường Làm việc (DWEA) thực hiện khảo sát người sử dụng dịch vụ hàng năm. Kết quả từ khảo sát này cho thấy khoảng 95% tất cả các quyết định thanh tra đưa ra đều được tuân thủ.

Trong các trường hợp khác, khảo sát được sử dụng như một công cụ tự đánh giá cho NSDLĐ.

Bảng 19 cho biết những quốc gia nào sử dụng những công cụ như vậy.

► **Bảng 19 – Các chỉ số tác động dựa trên khảo sát**

|                |    | KHẢO SÁT VÀ<br>CÁC CÔNG CỤ KHÁC    |                               |
|----------------|----|------------------------------------|-------------------------------|
| Châu Phi       | ZA | Không                              |                               |
|                | TN | Không/Có                           |                               |
| Châu Á         | KR | Có                                 |                               |
|                | MY | DOSH<br>DOLPM<br>DOLSAB<br>DOLSAR  | Có<br>Không<br>Không<br>Không |
|                | PH | Không                              |                               |
| Châu Âu        | DK | Có                                 |                               |
|                | ES | Không                              |                               |
|                | FR | Chỉ dành cho mục đích lập kế hoạch |                               |
|                | MT | S.A.T.                             |                               |
|                | PL | Không                              |                               |
|                | PT | Có thể sử dụng                     |                               |
|                | SW | Không                              |                               |
|                | UK | Có                                 |                               |
| Châu Mỹ        | CO | Không                              |                               |
|                | CL | Không                              |                               |
|                | PE | S.A.T.                             |                               |
|                | UY | Có                                 |                               |
| Châu Đại Dương | AU | Có                                 |                               |
|                | NZ | Không                              |                               |

## h) Các chỉ số tác động dựa trên các nguồn khác ngoài số liệu thống kê thanh tra

Có những chỉ số tác động sử dụng dữ liệu từ các nguồn khác ngoài số liệu thống kê thanh tra. Dưới đây là một ví dụ:

Tại Pháp, cơ quan thanh tra lao động đã có những nỗ lực đáng kể nhằm đạt được những thay đổi trong hành vi tập thể bằng cách phối hợp tinh tế các chính sách công nhằm cải thiện điều kiện lao động ở những khu vực cụ thể. Những hoạt động này bao gồm cung cấp thông tin đồng thời và có sự phối hợp, cũng như các hành động nâng cao nhận thức với các bên liên quan chính, các hoạt động thanh tra định kỳ và việc sử dụng các chỉ số mở, không chỉ dựa trên các hoạt động thanh tra mà còn dựa trên những thay đổi trong hành vi xã hội.

Một ví dụ về chiến dịch liên quan đến amiăng với mục đích đạt được sự tuân thủ pháp luật của tất cả các bên liên quan. Bên cạnh các chỉ số về hành động thanh tra, các tín hiệu khác cần lưu ý là số lượng các yêu cầu cung cấp thông tin, việc tổ chức các hoạt động đào tạo, các giấy chứng nhận hoặc khai báo đã nộp, việc thuê chuyên gia để đánh giá rủi ro hoặc loại bỏ amiăng, các bệnh nghề nghiệp được khai báo, dữ liệu kiểm tra sức khỏe cụ thể về vấn đề này, việc sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân, v.v.

Bộ chỉ số được điều chỉnh và thiết kế sao cho phù hợp với nội dung và mục tiêu của từng chiến dịch.

## i) Nghiên cứu để xác định các hành động thanh tra có tác động lớn nhất

Cuối cùng, một điều giá trị cần được nhắc tới là những nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các loại can thiệp có tác động lớn nhất:

Ở Vương quốc Anh, các hoạt động thanh tra chỉ là một phần nhỏ (nhưng quan trọng) trong nỗ lực thúc đẩy sự tuân thủ và thay đổi hành vi. Cơ quan thanh tra sử dụng nghiên cứu về hành vi để xác định các loại hành động can thiệp có thể có tác động lớn nhất trong một ngành hoặc cho một chiến dịch cụ thể. Ngoài các chiến dịch thanh tra theo kế hoạch, họ còn sử dụng kết hợp:

- ▶ sự tham gia và cộng tác giữa các mạng lưới đối tác có mối quan tâm sâu sắc đến việc cải thiện sức khỏe và an toàn lao động. Các mạng lưới này bao gồm NLD và NSDLĐ, công đoàn, hiệp hội ngành nghề, tổ chức nghề nghiệp và các cơ quan thuộc khu vực thứ ba, cùng với các cơ quan chính phủ và cơ quan quản lý khác;
- ▶ các chiến dịch thay đổi hành vi cụ thể dẫn dắt bởi hiểu biết sâu sắc, nhằm đạt được những cải thiện rõ rệt về nhận thức và hành động đối với các vấn đề và chủ đề chính được đặt ra trong chiến lược của cơ quan thanh tra;
- ▶ cung cấp hướng dẫn và tư vấn theo cách dễ tiếp cận, dễ hiểu, đáp ứng nhu cầu của người dùng và khuyến khích quản lý rủi ro theo mức độ;
- ▶ nghiên cứu khoa học để hỗ trợ các hoạt động quản lý của cơ quan thanh tra.

# ▶ 6.



## ► 6. NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH VÀ KẾT LUẬN

### 6.1. Tính phù hợp của các chỉ số

Nếu được thiết lập phù hợp, các chỉ số có thể đưa ra một bức tranh rõ ràng về các hành động thanh tra lao động và góp phần nâng cao hiểu biết chung về hoạt động của các cơ quan thanh tra cũng như hỗ trợ việc học hỏi về những thực hành tốt giữa các cơ quan.

### 6.2. Các chỉ số hành động thanh tra

Các chỉ số được sử dụng phổ biến nhất và có thể so sánh được là những chỉ số liên quan đến hành động thanh tra.

Có sự đồng thuận rộng rãi về việc sử dụng các chỉ số hoạt động chung được phân loại theo hoạt động, vùng, nội dung và quy mô nơi làm việc được thanh tra. Các chỉ số này được coi là khách quan nhất và ít lệ thuộc vào việc phiên giải dữ liệu, và do đó giúp việc so sánh giữa các cơ quan thanh tra khác nhau trở nên dễ dàng hơn, đặc biệt khi họ có chức năng giống nhau. Vì vậy, các chỉ số này có thể đóng một vai trò ở tầm quốc tế.

Hơn nữa, để tính toán tất cả các chỉ số khác thì không thể thiếu các chỉ số hoạt động. Dưới đây là một số ví dụ:

- Hầu hết các cơ quan thanh tra trong nghiên cứu đều phân loại — hoặc có thể phân loại — hành động thanh tra của mình dựa theo nguyên nhân theo hai nhóm là thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất, và bằng cách tính toán tỉ lệ giữa hai nhóm này, họ sẽ có được một chỉ số liên quan đến hiệu suất của dịch vụ thanh tra lao động.
- Có những chỉ số hoạt động cho riêng các cuộc thanh tra và các chỉ số khác dựa trên loại chuyển thăm. Nhóm chỉ số thứ hai không quá phổ biến nhưng rất hữu ích trong việc mô tả và giải thích rõ hơn cách thức cũng như thời gian thực hiện các hoạt động thanh tra. Nói cách khác, có thể dùng các chỉ số này làm cơ sở để tính toán các chỉ số đo lường hiệu suất.

Các loại chỉ số khác, ví dụ như những chỉ số nêu ở mục 1.4, chỉ dành riêng cho một số cơ quan thanh tra nhất định nên khó có thể thực hiện so sánh.

Trong bất kỳ trường hợp nào, sẽ rất hữu ích nếu hồ sơ của tất cả các hoạt động thanh tra thuộc bất kỳ loại nào đều được lưu giữ và có thể được phân tích dưới dạng các chỉ số.

### 6.3. Các chỉ số hiệu quả

Các chỉ số hiệu quả mô tả kết quả hành động của thanh tra viên lao động.

Chúng có thể liên quan đến các quyết định và thành tựu (sai phạm được khắc phục) của thanh tra viên, hoặc mức độ hay sự thâm nhập các hoạt động thanh tra lao động đối với một ngành, khu vực, v.v. cụ thể.

- **Các quyết định**, theo Điều 17 Công ước ILO số 81, có thể có nhiều hình thức khác nhau. Thanh tra viên có thể đưa ra cảnh báo và tư vấn thay vì tiến hành hoặc đề xuất các thủ tục tố tụng, hoặc họ có thể khởi kiện mà không cần cảnh báo trước. Các thủ tục tố tụng đó có thể là tố tụng hành vi vi phạm hoặc các thủ tục tố tụng thực thi pháp luật khác, tùy theo thẩm quyền của cơ quan thanh tra. Các thủ tục đề cập ở sau thường liên quan đến các yêu cầu đòi hoặc thu hồi các khoản trợ cấp hoặc đóng góp an sinh xã hội và tiền lương của người lao động.

Hầu hết tất cả các quốc gia tham gia khảo sát này đều có các chỉ số liên quan đến quyết định của thanh tra, nhưng một số quốc gia không lưu giữ hồ sơ về các quyết định được xác nhận hoặc hủy bỏ trong thủ tục hành chính hoặc tư pháp và do đó không thể xác định tính hiệu quả của các quyết định thuộc loại này.

- **Thành tựu** - thường ở dạng khắc phục các sai phạm được phát hiện trong quá trình thực hiện các hành động thanh tra - có thể liên quan đến các quyết định nêu trên hoặc có thể đơn giản là kết quả của các cuộc thanh tra (thường là các cuộc kiểm tra sau thanh tra hoặc các loại hành động khác, chẳng hạn như các chiến dịch thanh tra hoặc nâng cao nhận thức).

Thành tựu đạt được là những khía cạnh tích cực trong kết quả thanh tra lao động. Mặc dù việc thu thập dữ liệu này là cần thiết để có được bức tranh toàn cảnh về kết quả thanh tra nhưng chúng thường không được ghi lại hoặc sử dụng làm chỉ số.

Nhiều quốc gia không có chỉ số cho phép họ định lượng thành tựu thanh tra, thậm chí ngay cả thành tựu từ việc đưa ra lời khuyên hoặc cảnh báo. Dữ liệu này là một chỉ số tốt để đo lường tính hiệu quả của các hành động thanh tra lao động và để thể hiện chúng dưới góc độ tích cực.

- **Tỉ lệ thâm nhập** đưa ra ý tưởng về tỉ lệ dân số đang làm việc đã được thanh tra trong một khoảng thời gian nhất định. Hầu hết các quốc gia đều có thể tính toán các chỉ số về tỉ lệ thâm nhập bằng cách tham khảo chéo dữ liệu chỉ số hoạt động với số liệu thống kê công khai về doanh nghiệp, nơi làm việc và đơn vị sản xuất.

Tuy nhiên, để có được kết quả tin cậy, cần phải tinh chỉnh dữ liệu, tránh tính các hoạt động thanh tra liên quan đến cùng một nơi làm việc hai lần.

Có được những số liệu này sẽ rất hữu ích cho việc phân tích tác động tiếp theo của các hoạt động thanh tra đối với những NSDLĐ bên ngoài các đối tượng được thanh tra, và để tính toán tỉ lệ thâm nhập cần thiết để có tác động đáng kể đến một ngành, một vùng, một loại hình công ty hoặc nơi làm việc.

## 6.4. Các chỉ số hiệu suất

Các chỉ số hiệu suất nhằm đo lường hiệu quả của cơ quan thanh tra lao động về mặt sử dụng nguồn nhân lực và tốc độ đạt được các mục tiêu mong muốn. Dưới đây là những phát hiện chính của báo cáo này:

- **Tỉ lệ giữa nhu cầu công việc và công việc thực sự được thực hiện** có thể là một chỉ số hiệu suất tốt. Tuy nhiên, tỉ lệ này có thể khác nhau giữa các quốc gia và do đó không thể sử dụng để so sánh, mặc dù rất hữu ích cho các mục đích nội bộ.
- **Tỉ lệ giữa các hành động thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất** là thông số hầu hết các quốc gia tham gia vào nghiên cứu này có thể tính toán. Tuy nhiên, chỉ một số ít quốc gia sử dụng chỉ số này. Chỉ số này có thể hữu ích để xác định mức độ tự chủ hoặc phụ thuộc của cơ quan thanh tra trong việc lập kế hoạch cho các hoạt động của chính họ (hành động chủ động) và tỉ lệ khối lượng công việc phát sinh từ các kiến nghị hoặc yêu cầu từ bên ngoài (hành động phản ứng).
- **Thời gian phản hồi** không chỉ liên quan tới khiếu nại và các cuộc thanh tra mà còn đến bất kỳ hình thức phản hồi nào đối với các thắc mắc hoặc yêu cầu của người dân. Trong cả hai trường hợp, chỉ số này sẽ hữu ích trong việc xác định chất lượng dịch vụ thanh tra và khả năng đáp ứng yêu cầu của người dân. Giả định rằng sự phản hồi nhanh chóng là một yếu tố tạo nên chất lượng của bất kỳ dịch vụ nào được cung cấp.
- **Thời gian trung bình dành cho hoạt động thanh tra** là thông số được một số quốc gia sử dụng để đo lường hiệu suất của thanh tra viên. Tuy nhiên, sử dụng để làm chỉ số đánh giá có thể làm tăng nguy cơ căng thẳng liên quan đến công việc, đặc biệt nếu mức độ tự chủ của thanh tra viên trong việc ra quyết định bị hạn chế quá mức.
- Đối với **các chiến dịch thanh tra**, các chỉ số phù hợp với mục tiêu của chiến dịch thường được xây dựng từ trước và sau đó được so sánh với dữ liệu về kết quả của chiến dịch. Đây là một cách tốt để đo lường hiệu suất của các hoạt động thanh tra thuộc loại này.

Có những yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến hiệu suất, chẳng hạn như cải tiến trong hoạt động đào tạo thanh tra viên, sử dụng công nghệ thông tin, và cung cấp các hỗ trợ hành chính. Tuy nhiên, rất khó để thiết lập và so sánh các chỉ số về các chủ đề này.

## 6.5. Các chỉ số tác động

Các chỉ số tác động nhằm mục đích đo lường ảnh hưởng của các hoạt động thanh tra ngoài những đối tượng hưởng lợi trực tiếp. Điều này có nghĩa là đo lường những tác động gián tiếp đến NLĐ của doanh nghiệp, đơn vị sản xuất hoặc nơi làm việc mà không phải những người đã được thanh tra trực tiếp, và đo lường tác động gián tiếp đến các doanh nghiệp khác.

Các chỉ số này thường chỉ được tính toán cho mục đích lập kế hoạch.

Các chỉ số tác động được phân thành hai nhóm: những chỉ số liên quan đến một hoạt động thanh tra đơn lẻ và những chỉ số đo lường sự tuân thủ nói chung:

### ► Những chỉ số liên quan đến các hoạt động thanh tra đơn lẻ

Nhiều cơ quan thanh tra lưu giữ hồ sơ về những cải tiến hoặc kết quả của các hoạt động thanh tra được xác minh trong các lần kiểm tra tiếp theo, nhưng nhiều cơ quan thanh tra không phân biệt giữa tác động trực tiếp (những thay đổi ngay lập tức của các hành động đó) và tác động gián tiếp (những điểm cải thiện có ảnh hưởng đến NLĐ khác hoặc các khía cạnh khác của nơi làm việc, không nằm trong mục đích ban đầu của hoạt động thanh tra).

Nhiều cơ quan thanh tra cũng lưu trữ hồ sơ các trường hợp vi phạm tái diễn nhưng chỉ sử dụng cho mục đích lập kế hoạch. Họ không có cách nào kết nối những hồ sơ này với các hành động thanh tra đơn lẻ, mà nếu làm như vậy có thể cho thấy mức độ thành công thực sự của các hành động đó.

### ► Liên quan đến tính tuân thủ chung

Dưới đây là những phát hiện chính:

- **Số lượng khiếu nại** được sử dụng như một chỉ báo ở một số quốc gia, nhưng trong một số trường hợp chỉ được sử dụng cho mục đích lập kế hoạch hoặc việc sử dụng dữ liệu này bị hạn chế bởi luật bảo vệ dữ liệu. Vì vậy, nhiều cơ quan thanh tra chỉ sử dụng chỉ số này cho mục đích nội bộ.
- **Mức độ tuân thủ hoặc không tuân thủ** có thể được sử dụng làm chỉ báo khi thông tin cần thiết liên quan đến các cuộc thanh tra trước đó đã được thu thập trực tiếp. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các hoạt động thanh tra thường nhắm vào các doanh nghiệp để có khả năng vi phạm pháp luật nhất, do vậy, tỉ lệ không tuân thủ có thể không nhất thiết phản ánh mức độ không tuân thủ ở cấp quốc gia.
- **Tỉ lệ tai nạn lao động** thường được coi là một chỉ số không đáng tin cậy vì chỉ số này phụ thuộc vào những tình huống ngẫu nhiên. Vì lý do này, nhiều cơ quan thanh tra chỉ muốn sử dụng chỉ số này cho mục đích lập kế hoạch hoặc để có thêm thông tin cho các chiến lược can thiệp của họ.
- Dữ liệu liên quan đến việc **chính quy hóa** được sử dụng làm chỉ số, nhưng dữ liệu đó được lấy từ các hoạt động thanh tra đơn lẻ và không phản ánh tác động của các hoạt động thanh tra đối với những nơi làm việc mà không được thanh tra.
- Một số cơ quan thanh tra thực hiện **khảo sát** những NSDLĐ được thanh tra hoặc dùng các bảng câu hỏi để NSDLĐ tự đánh giá, nhưng những khảo sát này thường không cung cấp thông tin về các doanh nghiệp không được thanh tra và do vậy không thể dùng làm chỉ số tác động.
- Các loại chỉ số tác động khác, dựa trên **các nguồn bên ngoài hoặc xã hội**, cũng được sử dụng để đo lường những khía cạnh cụ thể. Những chỉ số này thường liên quan đến các chiến dịch hoặc chương trình thanh tra. Một ví dụ thực tế từ Pháp đã được mô tả ở trên. Những hành động này cung cấp một bức tranh đầy đủ hơn về tác động của các hoạt động thanh tra.
- Cuối cùng, một trong những quốc gia tham gia **ngiên cứu** này (Vương quốc Anh) thực hiện các nghiên cứu về cách thức mà hoạt động thanh tra có thể đạt được tác động lớn nhất.

# 7.

A photograph showing hands moving yellow sticky notes on a blue surface during a workshop. The sticky notes contain handwritten text in Italian, such as "Budget aziendale per eventi", "Appointement", and "Radio".



## ► 7. CÁC HÀNH ĐỘNG ĐỀ XUẤT

### 7.1. Các chỉ số của hoạt động thanh tra

Như đã nhấn mạnh trong báo cáo này, các chỉ số đáng tin cậy và được sử dụng rộng rãi nhất là những chỉ số liên quan đến hành động thanh tra. Chính vì chúng khách quan nhất và được dùng phổ biến nhất nên có thể sử dụng để so sánh giữa các quốc gia khác nhau. Do đó, các cơ quan thanh tra lao động có thể cân nhắc rằng

- Sẽ thuận lợi nếu mọi hoạt động của cơ quan thanh tra đều được ghi chép và phân tích dưới dạng các chỉ số, không có ngoại lệ. Nếu không có những dữ liệu này sẽ không thể có được bức tranh toàn cảnh về hoạt động của cơ quan thanh tra hoặc để có thể có thêm được những chỉ số tin cậy về tính hiệu quả, hiệu suất và tác động.
- Có sự đồng thuận lớn về sự hữu ích của các chỉ số này. Điều này cần được tính đến khi cố gắng thiết lập các tiêu chí quốc tế đã được chấp nhận để thu thập dữ liệu liên quan, ví dụ những lĩnh vực kinh tế, quy mô công ty và quy mô vùng nào nên được áp dụng cho mục đích phân loại thông tin.

### 7.2. Sử dụng các chỉ số hiệu quả và hiệu suất

Các chỉ số hiệu quả và hiệu suất đòi hỏi phải xử lý dữ liệu nhiều hơn các chỉ số về hành động thanh tra và ít được sử dụng hơn. Tuy nhiên, cần khuyến khích sử dụng các chỉ số này vì chúng có thể giúp cơ quan thanh tra xác định liệu các hoạt động thanh tra có hiệu quả và hữu ích trong việc đạt được mục tiêu hay không và liệu chúng có được thực hiện bằng cách và với nguồn lực thích hợp hay không.

### 7.3. Các chỉ số hiệu quả

Dựa trên những phát hiện nêu trên, có thể đề xuất rằng:

- **Thiết lập các chỉ số dựa trên các quyết định của thanh tra viên được xác nhận hoặc bác bỏ** trong thủ tục tố tụng hành chính hoặc tư pháp có thể hữu ích cho việc xác định tính hiệu quả của các hành động đó.
- **Thiết lập các chỉ số thành tựu** sẽ cho thấy mặt tích cực về kết quả thanh tra lao động và góp phần tạo nên bức tranh toàn cảnh về kết quả thanh tra. Kết quả thanh tra không nên chỉ tính đến những sai phạm được phát hiện mà cả những hành động khắc phục sai phạm đạt được nhờ thanh tra viên.
- **Thiết lập tỉ lệ thâm nhập** cho ý tưởng về tỉ lệ phần trăm lực lượng lao động đã được thanh tra trong một khoảng thời gian nhất định. Hầu như tất cả các quốc gia đều có khả năng tính được tỉ này. Việc có được những tỉ lệ phần trăm này sẽ rất hữu ích trong việc xác định nhu cầu mở rộng các hoạt động thanh tra để có tác động đến NSDLĐ ngoài những đối tượng đã được thanh tra.

## 7.4. Các chỉ số hiệu suất

Dựa trên những phát hiện chính ở trên, có thể đề xuất rằng

- **Thiết lập tỉ lệ giữa nhu cầu công việc và công việc thực hiện thực tế** là một chỉ số phù hợp để đo lường khối lượng công việc của các cơ quan thanh tra, miễn là chỉ số này phù hợp với hoàn cảnh quốc gia.
- **Thiết lập tỉ lệ giữa các hành động thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất** có thể đặc biệt hữu ích đối với các cơ quan thanh tra đang giải quyết tình trạng quá tải do các yêu cầu và chất vấn từ bên ngoài.
- **Thiết lập các chỉ số về thời gian phản hồi** có thể hữu ích để xác định chất lượng dịch vụ và khả năng đáp ứng các yêu cầu từ công chúng.
- **Thiết lập các chỉ số về thời gian trung bình dành cho các hành động thanh tra** là rất hữu ích.
- **Thiết lập các chỉ số cho các chiến dịch thanh tra** phù hợp với mục tiêu của chiến dịch có thể đặc biệt hữu ích cho việc đo lường hiệu suất của cơ quan thanh tra.

## 7.5. Các chỉ số tác động

Cần lưu ý rằng các hoạt động thanh tra không bao giờ có thể bao trùm tất cả các hoạt động sản xuất hoặc toàn bộ lực lượng lao động. Các hoạt động này luôn hướng tới những ngành được coi là có nhiều khả năng vi phạm các quy định pháp luật nhất hoặc ở đó có những người lao động dễ bị tổn thương nhất.

Vì lý do này, điều quan trọng là cần thu thập càng nhiều thông tin về tác động của các hoạt động thanh tra lao động càng tốt, và đặc biệt là tác động của chúng đối với các doanh nghiệp không được thanh tra. Để thực sự hữu ích và hiệu quả, các hoạt động thanh tra cần tạo ra tác động đối với những doanh nghiệp, nơi làm việc và các đơn vị sản xuất khác, bên ngoài những đơn vị được thanh tra trực tiếp.

Chính tác động gián tiếp này là thứ mà các chỉ số tác động dự định đo lường. Tuy nhiên, việc sử dụng các chỉ số này không phổ biến, một phần vì các hồ sơ thanh tra và nguồn thông tin hiện có không cho phép cơ quan thanh tra xây dựng và sử dụng các chỉ số này.

a) **Về hồ sơ của cơ quan thanh tra**, nhằm sử dụng các chỉ số tác động, các cơ quan thanh tra lao động có thể cân nhắc những nội dung sau:

- Cần phân biệt rõ giữa các tác động trực tiếp và các tác động gián tiếp của một hành động thanh tra đơn lẻ, tức là tác động đối với những NLĐ không phải là những đối tượng đã được thanh tra trực tiếp và dữ liệu liên quan được ghi lại.
- Những vi phạm tái diễn của NSDLĐ đã được thanh tra trước đó phải được ghi lại và phân tích.
- Các khiếu nại cũng cần được ghi lại, nếu luật pháp quốc gia cho phép, để tính toán tác động của các hoạt động thanh tra lao động đối với tất cả NSDLĐ.
- Mức độ tuân thủ hoặc không tuân thủ sau khi thực hiện các hoạt động thanh tra có thể đóng vai trò là một chỉ số tác động nếu thông tin này được ghi lại cho các cuộc thanh tra và không chỉ liên quan đến các chiến dịch tăng cường tuân thủ hoặc hoặc nâng cao nhận thức.

b) Về việc sử dụng các nguồn dữ liệu khác ngoài dữ liệu của cơ quan thanh tra, nhằm đánh giá tác động toàn cầu của các hoạt động thanh tra lao động. Cơ quan thanh tra lao động có thể cân nhắc những vấn đề sau:

- ▶ **Việc chính quy hóa** trong các doanh nghiệp bên ngoài những doanh nghiệp đã được thanh tra trực tiếp có thể có được bằng cách sử dụng nguồn lực từ các cơ quan hành chính khác.
- ▶ Có thể tiến hành **khảo sát định kỳ** NLĐ và NSDLĐ về các hành vi vi phạm trong cộng đồng để xác định tác động của hoạt động thanh tra.
- ▶ Trong các chiến dịch thanh tra, có thể dựa vào **các nguồn lực bên ngoài hoặc nguồn lực xã hội** để xác định tác động của các hoạt động thanh tra đối với các doanh nghiệp bên ngoài những doanh nghiệp đã được thanh tra. Một ví dụ của Pháp đã được mô tả trong tài liệu này.

c) Cuối cùng, sẽ luôn thuận lợi nếu theo dõi sát **các phân tích và nghiên cứu** quốc gia về cách thức mà các hoạt động thanh tra có thể đạt được tác động lớn nhất.

Lưu ý cuối cùng là nên phân tích tất cả các chỉ số được mô tả trong báo cáo này trong bối cảnh cụ thể của từng quốc gia, chọn những chỉ số mà cơ quan thanh tra liên quan có thể dễ dàng áp dụng nhất - có tính đến mức độ phát triển của cơ quan đó (đặc biệt là công nghệ) – và những chỉ số có thể cung cấp thông tin rõ ràng và hợp lý liên quan đến hoạt động thanh tra và các tác động của các hoạt động thanh tra.

